

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương**

四十華嚴經

普賢行品

吉詳雲比丘章

Phần 1

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Đài Loan,
Tháng Ba năm 1997

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Minh Tiến và Huệ Trang

Tập thứ nhất (12-03-01)

Xin mở bản kinh¹, trang thứ nhất, Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương.

Trước khi giảng đến kinh văn, đại sư Thanh Lương có mấy câu giải thích cũng rất quan trọng. Chúng ta hãy đọc đoạn này một lượt.

(Sớ) Đại văn đệ nhị: “Nhĩ thời, Thiện Tài đồng tử tiệm thứ Nam hành” hạ.

(疏)大文第二。爾時善財童子漸次南行下。

(Sớ: Đoạn lớn thứ hai trong kinh văn, từ câu “lúc bấy giờ, Thiện Tài đồng tử dần dần theo thứ tự đi về phương Nam”).

Chữ “*hạ*” ở đây chỉ phần kinh văn tiếp theo [câu nói ấy], chỉ cho phần kinh văn [trong chương này].

(Sớ) Hữu thập thiện hữu, ký Thập Trụ vị.

(疏)有十善友，寄十住位。

(Sớ: Có mười vị bạn lành thuộc vào địa vị Thập Trụ).

¹ Phần kinh văn ở đây thuộc bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức bản kinh Hoa Nghiêm được dịch vào niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường. Tứ Thập Hoa Nghiêm là bản kinh gồm bốn mươi quyển, chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm (tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm nhưng chi tiết hơn, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong Tịnh Độ Ngũ Kinh chỉ là quyển cuối, tức quyển 40 của Tứ Thập Hoa Nghiêm). Khi quốc vương Ô Trà dâng bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, đại sư Thanh Lương tham dự dịch trường và Ngài đã viết riêng một bản sớ giải cho bản này, đặt tựa đề Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sớ, còn gọi là Trinh Nguyên Hoa Nghiêm Kinh Sớ để phân biệt với bản Hoa Nghiêm Kinh Sớ viết trước đó dành cho bộ Bát Thập Hoa Nghiêm. Tỳ-kheo Cát Tường Vân chính là tỳ-kheo Đức Vân trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm.

Ở chỗ này, kể ra mười người, tức là mười vị Bồ Tát [trong số năm mươi ba vị thiện tri thức]. Tuy nói là tỳ-kheo, nhưng thật ra, họ đều là Bồ Tát, tức hàng Pháp Thân đại sĩ. Mười vị này “*ký Thập Trụ vị*”, chữ Ký (寄) ở đây là “*ký thác*” (gởi gắm). Nếu chúng ta dùng thí dụ để nói thì họ giống như biểu diễn trên sân khấu vậy, họ đóng vai trò Thập Trụ. Rất khó thể nói [đích xác] bản địa của họ là gì, có những vị là cổ Phật tái lai; ở đây, ta hoàn toàn nhìn theo hình tướng nơi mặt Tích của họ, tức là [nhìn vào] hình tướng họ đã thị hiện; sẽ giống như trong kinh Pháp Hoa đã nói: “*Bốn Tích nhân duyên*”. Dưới đây là lời giải thích cho chúng ta biết Thập Trụ là gì?

(Sớ) Vị thí nhập Không giới, huệ trụ Không tánh, đắc Vị Bất Thoái, cố danh vi Trụ.

(疏)謂始入空界，慧住空性，得位不退，故名為住。

(Sớ: Nghĩa là vừa mới nhập Không giới, huệ trụ nơi tánh Không, đạt được Vị Bất Thoái, nên gọi là Trụ).

Trước hết, [đại sư Thanh Lương] giảng cho chúng ta biết ý nghĩa của chữ Trụ trong Thập Trụ. Tại Trung Quốc, gần như mỗi một tông phái đều công nhận Hoa Nghiêm là Đại Thừa Viên Giáo, lại còn gọi bộ kinh này là “*căn bản pháp luân*”, [hàm ý] hết thảy các kinh đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm. Giống như một cái cây, Hoa Nghiêm là rễ, là gốc; hết thảy các kinh khác đều là cành lá của cái cây ấy, đều lưu xuất từ kinh này. Do điều này, có thể biết được tánh chất quan trọng của kinh Hoa Nghiêm. Ở đây, đại sư Thanh Lương bảo cho chúng ta biết ý nghĩa của chữ Trụ: “*Thí nhập Không giới*”, Thí là bắt đầu, “*Không giới*” chẳng phải là mười pháp giới. Mười pháp giới chẳng phải là Không, lục đạo chẳng phải là Không, mười pháp giới cũng chẳng phải là Không. Nói cách khác, bọn họ vừa mới bắt đầu lìa khỏi mười pháp giới, “*Không giới*” chính là Nhất Chân pháp giới.

“*Huệ trụ Không tánh*”: Bồ Tát đạt đến địa vị này, trí huệ mở mang, đây là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật, trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh hiện tiền, giống như kinh Kim Cang đã dạy: “*Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng*”. Thật Tướng Bát Nhã hiện tiền, vượt trội mười pháp giới, đây là “*trụ Không tánh*”. Nhập cảnh giới ấy sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, chẳng còn lui sụt vào mười pháp giới nữa, trừ phi vị ấy thị hiện. [Sự thị hiện đó] được gọi là “*đạo giá từ hàng*” (thả chiếc bè Từ), hay “*thừa nguyện tái lai*”, những vị như vậy rất nhiều. Nếu không phải do chính vị ấy thừa nguyện tái lai thì tuyệt đối sẽ chẳng phải là do nghiệp lực kéo vị ấy trở lại; không có đạo lý ấy đâu nhé! Do vậy, gọi là “*Vị Bất Thoái*”. Danh từ Tam Bất Thoái này trong Đại Thừa lần Tiểu Thừa đều có, nhưng cảnh giới trong ấy sâu hay cạn khác nhau. Ở đây là cảnh giới tối cao, nên gọi là Trụ. Đoạn sau ghi:

(Sớ) Trụ nghĩa đa chủng, ký viên thuyết Thập.

(疏)住義多種，寄圓說十。

(Sớ: Ý nghĩa của Trụ có nhiều thứ, do ngụ ý “viên mãn” nên nói là Thập).

Ý nghĩa của chữ Trụ rất nhiều, đức Phật muốn nói cũng chẳng thể nói hết được. Vì thế, đối với chúng ta là hạng người trình độ rất cạn, nghiệp chướng sâu nặng, chỉ còn cách dùng phương pháp giới thiệu những điểm đơn giản, trọng yếu nhất! Quy nạp rất nhiều ý nghĩa lại, quy nạp thành mười điều, bởi lẽ Thập cũng mang ý nghĩa viên mãn. Con số từ một đến mười chính là con số viên mãn, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm chỗ nào cũng dùng chữ Thập để tượng trưng sự viên mãn, chứ Thập hoàn toàn chẳng phải là con số. Đây là điều chúng ta cần phải hiểu thật rõ ràng. Do gởi gắm ý nghĩa “viên mãn”, cho nên nói là mười thứ. Mỗi một đề mục đều nói ra mười thứ, trong kinh Hoa Nghiêm dùng chữ Thập để biểu thị pháp.

(Sớ) Dĩ Bồ Đề tâm nhi vi kỳ Thê, trực tâm thiên tăng, danh nhập Không giới

(疏)以菩提心而為其體。直心偏增，名入空界。

(Sớ: Lấy Bồ Đề tâm làm Thê, riêng chú trọng tăng trưởng Trực Tâm, gọi là “nhập Không giới”).

Đây là lời giải thích cho câu “*thi nhập Không giới, Huệ trụ Không tánh*”. Do điều này, ta biết được sự quan trọng của Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm, trong chương trước tôi đã giới thiệu cặn kẽ với mọi người rồi, nhất định phải phát Bồ Đề tâm! Trong Bồ Đề tâm, thường nói tới “Thê - Dụng”, lại chia thành ba khoa. Thê của Bồ Đề tâm là Trực Tâm, Mã Minh Bồ Tát đã nói điều này trong Khởi Tín Luận. Nếu dựa theo Quán Kinh, tức Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh để nói, đức Phật dạy chúng ta: Thê của Bồ Đề tâm là Chí Thành Tâm, tức là chân thành đến mức cùng cực. Nếu gộp hai cách giảng này lại để hiểu, ta sẽ dễ dàng hiểu ý nghĩa [của Bồ Đề tâm]. Thê nào là Trực Tâm? Chân thành đến mức cùng cực, không có một mảy may hư vọng nào. Lũ chúng ta cảm thấy chẳng dễ gì lãnh hội được, nói chung là vì [tự cho rằng] tâm của chính mình rất chân thật, tôi đã chân thành đến mức cùng cực rồi. Thật ra, nếu đem so với tiêu chuẩn chân thành được giảng trong kinh Phật, hãy còn cách biệt xa lắm!

Tiêu chuẩn nằm ở chỗ nào? Trước hết, chúng tôi không nói đến Phật pháp, mà hãy luận theo pháp thế gian trước đã! Kể ra, tiên sinh Tăng Quốc Phiên sống không xa thời chúng ta cho lắm, ông là người sống vào cuối triều Thanh. Hậu duệ của ông ở Đài Loan cũng khá khá; Tăng Bảo Sâm là người đời sau của ông ta, tức hậu duệ. Tăng Quốc Phiên định nghĩa chữ Thành như sau: “*Một niệm chẳng sanh là Thành*”, lời giải thích này hết sức phù hợp Phật pháp. Do đây biết rằng: “*Hễ anh khởi tâm động niệm, tâm anh chẳng chân thành!*” Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chúng ta thường nói: “*Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, cái tâm ấy sẽ là tâm chân thành*”. Đây chính là bản thể (Thê) của Bồ Đề tâm, phải rèn luyện trong sinh hoạt hằng ngày. Luyện sao cho không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lúc ấy sẽ là lúc sử dụng chân tâm. Nếu có phân biệt, chấp trước, khởi tâm, động niệm, quý vị đang dùng vọng tâm. Vọng tâm ấy chính là Thức tâm, nói theo Pháp Tướng

Duy Thức, sẽ là “quý vị đang sử dụng năm mươi một Tâm Sở của tám Thức”. Năm mươi một tâm sở của tám Thức đều là pháp hữu vi, kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*” (Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), những thứ ấy không thật. Do vậy, kể từ Sơ Trụ Bồ Tát liền sử dụng chân tâm, cho nên có cùng một cái tâm với Phật, Phật dùng chân tâm, lúc ấy, Bồ Tát cũng dùng chân tâm.

“*Trực tâm thiên tạng*”: Bồ Đề tâm khởi tác dụng, tức là chân tâm khởi tác dụng. Nó có hai tác dụng: Một là Tự Thọ Dụng, hai là Tha Thọ Dụng.

1) Tự Thọ Dụng là niệm niệm hướng đến Vô Thượng Bồ Đề, không có ý niệm thứ hai nào; đây là nói đối với chính mình. Trong kinh Đại Thừa, thường có một câu nói về từ ngữ “*niệm niệm*” này như sau: “*Thú Tát Bà Nhã hải*” (Tiền nhập biên Nhất Thiết Chung Trí). Trong các vị, cũng có người thường đọc kinh đã thấy câu này rồi. Tát Bà Nhã (Sarvajña) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhất Thiết Chung Trí. Nhất Thiết Chung Trí có cùng một ý nghĩa với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do đây có thể biết: Từ nay trở đi, đối với chính mình, vị ấy không có một niệm nào khác ngoài ý niệm muốn viên mãn rốt ráo Phật quả, vị ấy chỉ có một ý niệm này. Có thể nói là đối với hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian vị ấy đều buông xuống hết, không phân biệt, không chấp trước, vị ấy cũng không có vọng tưởng, triệt để buông xuống. Đây gọi là “*chân tâm*”.

2) Tha Thọ Dụng là đại bi tâm. Đại bi tâm là thừa nguyện tái lai, vào trong mười pháp giới. Chúng sanh cần họ giúp gì, họ đều có thể giúp đỡ, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Âm Bồ Tát vậy. Hễ chúng sanh cảm, Ngài liền ứng đến, cảm ứng đạo giao mà! Nên dùng thân Phật để độ được, Ngài liền hiện thân Phật để thuyết pháp cho quý vị. Nên dùng thân Bồ Tát để độ được, Ngài liền hiện thân Bồ Tát để thuyết pháp cho quý vị. Ngài hiện thân vô lượng vô biên, ba mươi hai ứng thân đã nói trong phẩm Phổ Môn chính là ba mươi hai loại, tức ba mươi hai loại lớn, trong mỗi một loại có vô lượng vô biên [các tiểu loại]. Đây là đại bi tâm, trong Quán Kinh gọi [đại bi tâm] là “*phát nguyện hồi hướng tâm*”. Ngài thật sự làm được điều ấy, ở đây gọi là “*trực tâm thiên tạng*”. Bởi lẽ, Sơ Trụ Bồ Tát vừa mới nhập Không giới, chú trọng tới tự chứng nhiều hơn, chứ chẳng phải là Ngài không hóa độ người khác, chỉ là thiên trọng tự chứng. Do vậy gọi là Trụ, nhập Không giới như vậy đó!

(Sớ) *Ngữ kỳ tướng dã.*

(疏) 語其相也。

(Sớ: *Nói đến tướng ấy*).

Nhìn từ tướng, nhìn từ hình dáng.

(Sớ) *Dữ u pháp giới, hư không giới đẳng.*

(疏) 與於法界虛空界等。

(Sớ: *Ngang bằng pháp giới, hư không giới*).

Do tâm vị ấy không phân biệt, không chấp trước, cho nên tâm lớn như hư không pháp giới. Tâm đã như vậy thì tướng cũng giống như vậy. Cho nên tận hư không, trọn pháp giới, đều có thể tùy loại hiện thân, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, đề mục của kinh này, chúng ta luôn rút gọn đề mục của kinh này, chứ nếu nói đầy đủ thì sẽ là ***Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm***. Đây mới là đề mục hoàn toàn, đề mục hoàn chỉnh. Đề mục dài quá nên chúng ta rút gọn. Vì thế, [những cảnh giới được nói trong kinh này] là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, chúng ta học Phật là bắt đầu học từ chỗ nào? Rất nhiều bước để bắt đầu, nhưng bước bắt đầu sau đây cũng hết sức quan trọng, tức là mở rộng tâm lượng. Mở rộng tâm lượng bằng cách nào? Đối với hết thầy mọi người, hết thầy sự, hết thầy vật, quý vị hãy luôn nhớ kỹ: “*Đừng phân biệt, đừng chấp trước, đừng khởi tâm, đừng động niệm*”, tâm lượng của quý vị sẽ tự nhiên mở rộng. Hễ có phân biệt, chấp trước, tâm lượng sẽ rất nhỏ, biến thành tâm lượng phàm phu. Điều này rất khẩn yếu.

(Sớ) Thập Trụ bất đồng, tức vi thập đoạn.

(疏) 十住不同，即為十段。

(Sớ: Do mười địa vị thuộc Thập Trụ khác nhau, nên chia thành mười đoạn)

Kinh văn được chia thành mười đoạn. Ở đây, chúng ta gọi là “mười chương”. Hiện thời, chúng ta coi mỗi một chương là một đơn vị, in thành những tập sách nhỏ. Thập Trụ bắt đầu từ cuốn này trở đi, còn có chín cuốn nữa đều nói về Thập Trụ Bồ Tát.

(Sớ) Nhiên hạ chư hữu, cổ đức phán văn tòng nhất chí thập, kim lược tự nhất nhị.

(疏) 然下諸友，古德判文從一至十。今略敘一二。

(Sớ: Nhưng đối với các vị thiện hữu [lần lược được chép] trong những phần sau, cổ đức phán định kinh văn có từ một cách cho đến mười cách, nay chỉ trình bày đại lược một hai cách).

Đây là nói về sự phân khoa, phán giáo [trong khi chú giải kinh Hoa Nghiêm]. Đối với chúng ta mà nói, [chuyện này] không quan trọng lắm. Đối với người học giảng kinh thì bắt buộc phải tham khảo, chứ đối với chúng ta mà nói, [những cách phân khoa khác nhau] trọn chẳng quan trọng gì. Đoạn văn trên đây giới thiệu cách phân đoạn như thế nào. Ở chỗ này nói đến một đoạn lớn (tức toàn bộ Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương), chứ không phải là một tiểu đoạn. Trong trang trước [chương này], chúng tôi có một biểu đồ chỉ ra cách phân chia từng đoạn, phân chia rất cẩn kẽ, đây gọi là Khoa Phán. Đối với bộ kinh này, cổ nhân mỗi vị có cách nhận định khác nhau, mỗi vị có một cách phân định khác nhau, chẳng hạn như:

(Sớ) Biện công phân tam.

(疏)辯公分三。

(Sớ: Ngài Thanh Biện chia thành ba đoạn)

Ngài chia kinh văn thành ba đoạn. Đoạn thứ nhất:

(Sớ) Văn danh cầu mịch.

(疏)聞名求覓。

(Sớ: Nghe danh hiệu thiện tri thức, đi tìm kiếm)

Phần này thuộc về...

(Sớ) Gia Hạnh Vị. Nhị thọ kỳ sở thuyết, thị Chánh Chứng Vị.

(疏)加行位。二受其所說，是正證位。

(Sớ: Gia Hạnh Vị. Đoạn thứ hai là nhận lãnh lời giảng của vị thiện tri thức ấy, thuộc về Chánh Chứng Vị).

Đoạn thứ ba [được nêu ra] trong trang sau:

(Sớ) Ngưỡng thôi thắng tấn, thị Hậu Đắc Vị.

(疏)仰推勝進，是後得位。

(Sớ: Ngưỡng mộ, đề cao vị thiện tri thức kế tiếp vượt trội bản thân ta, đây là Hậu Đắc Vị)

Đây là cách phân đoạn của đại sư Thanh Biện. Nhưng cũng có vị cổ đức chia thành năm phần, tức là chia thành năm đoạn. Cách phân chia năm đoạn như sau:

(Sớ) Nhất cử pháp khuyến tu, nhị y giáo thú nhập, tam kiến dĩ thỉnh kính, tứ chánh thị pháp giới, ngũ ngưỡng thôi thắng tấn. Nhiên thượng nhị nghĩa.

(疏)一舉法勸修。二依教趣入。三見已請敬。四正示法界。五仰推勝進。然上二義。

(Sớ: Một là nêu ra pháp để khuyến tu; hai là vâng theo lời dạy để đi tới nơi, ngộ nhập pháp ấy; ba là gặp được thiện tri thức bèn thừa thỉnh, tỏ lòng kính trọng; bốn là phân chỉ bày chánh yếu về pháp giới; năm là kính ngưỡng, đề cao vị thiện tri thức khác vượt trội hơn ta để người nghe tấn tu. Nhưng hai nghĩa trên đây...)

Hai cách phân đoạn vừa được nêu ra trên đây.

(Sớ) Tịnh ước vị thuyết.

(疏)並約位說。

(Sớ: Đều là ước theo địa vị để nói)

Đều là ước theo địa vị do Bồ Tát chứng đắc [để phán định], giống như Sơ Trụ, Nhị Trụ, Tam Trụ, đều là dựa theo đây để nói.

(Sớ) Ư nghĩa thậm thiện.

(疏)於義甚善。

(Sớ: Xét về ý nghĩa rất hay)

Cách phân đoạn này, luận về mặt ý nghĩa rất hay, phân chia cũng khá lắm; nhưng luận theo kinh văn thì chẳng thuận tiện. Bởi lẽ, trong thời đức Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, Ngài trọn chẳng bảo người khác phân đoạn. Phân đoạn là chuyện của người đời sau. Trong thời đức Phật giảng kinh, chẳng dùng tới cách thức ấy. Do vậy, đối với phần kinh văn này, nếu như chúng tôi giảng một chương tỳ-kheo Cát Tường Vân này, để giới thiệu ngài Cát Tường Vân cận kề thì phải nói lần qua chương trước, tức là chương giảng về Thập Tín của đức Văn Thù. Chúng tôi giảng đơn độc một chương này thì quả thật không tiện lắm, phải giảng lần qua phần trước. Đây là điều hiển nhiên.

(Sớ) Tại văn bất tiện. Dĩ hậu hữu danh nghĩa tuy thuộc hậu, tiền hội thuyết cổ.

(疏)在文不便。以後友名義雖屬後，前會說故。

(Sớ: Nhưng đối với [sự giảng giải] kinh văn thì không thuận tiện. Bởi lẽ danh nghĩa của vị thiện hữu kế tiếp tuy thuộc phần sau nhưng đã được nói tới trong hội² trước)

Giống như ngài Cát Tường Vân được nói ở đây thì ngài Cát Tường Vân đã được giới thiệu trong phần trước, được giới thiệu trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, chứ không phải là từ chỗ này trở đi mới được giới thiệu.

(Sớ) Kim y Ý công, cập Ngũ Đài Luận, ước hội khoa chi, phân vi lục phần.

(疏)今依意公，及五臺論，約會科之。分為六分。

(Sớ: Nay dựa theo Ý công và Ngũ Đài Luận, ước theo hội này để phân khoa, chia thành sáu phần)

Ở đây đại sư Thanh Lương đem kinh văn chia thành sáu đoạn, từ đây trở đi, mỗi một lần tham học trong năm mươi ba lần tham học đều chia thành sáu đoạn lớn như vậy. Sáu đoạn này tuy do Ngài phân chia, nhưng cũng do người đời trước đã có ý tưởng này, nên Ngài trọn chẳng kể công; ở đây Ngài đều đem ý tưởng của cổ đức kể hết ra. Do vậy, Ngài chia kinh văn thành sáu đoạn.

² Chữ “hội” ở đây chỉ cho một lần gặp gỡ thiện tri thức, nghe dạy dỗ. Chẳng hạn, Thiện Tài từ Phước Thành đến gặp Văn Thù Bồ Tát cùng sáu ngàn vị tỳ-kheo do Ngài giáo hóa, được nghe giảng về pháp Thập Tín; chú giải gọi phần kinh văn đó là Thập Tín Hội, hoặc Văn Thù Hội. Tới khi Thiện Tài gặp ngài Cát Tường Vân thì gọi là Cát Tường Vân Hội, hoặc Sơ Trụ Hội.

(Sớ) Nhi danh tiểu dị.

(疏)而名小異。

(Sớ: Nhưng tên gọi hơi khác)

Tên gọi của từng khoa hơi khác với cách gọi của người đời trước.

(Sớ) Nhất, y giáo thú cầu.

(疏)一依教趣求。

(Sớ: Một là vâng theo lời dạy để tiến hướng, cầu thỉnh)

Vâng theo lời chỉ dạy, chỉ dẫn của vị thiện tri thức trong phần trước: “Ông đến chỗ đó, thưa hỏi vị đó”. Đoạn kinh văn ấy chính là đoạn thứ nhất, vâng theo lời của vị thiện tri thức trong phần trước. Ở đây, chúng ta thấy vị thiện tri thức trong phần trước chính là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đến thưa hỏi tỳ-kheo Cát Tường Vân, “y giáo thú cầu” [là như vậy đó].

(Sớ) Nhị, kiến kính tứ vấn.

(疏)二見敬諮問。

(Sớ: Hai là gặp mặt, thể hiện sự lễ kính, xin phép được thưa hỏi)

Gặp mặt thiện hữu rồi, đương nhiên phải hết sức cung kính. Lễ tiết ấy chẳng thể bỏ được, nhất định phải hướng về vị ấy thỉnh giáo. Đây là một đoạn nữa.

(Sớ) Tam, xưng tán, thọ pháp.

(疏)三稱讚授法。

(Sớ: Ba là khen ngợi, truyền dạy giáo pháp).

Vị thiện tri thức ấy thấy Thiện Tài đến tham học, nhất định khen ngợi Thiện Tài, rồi mới dạy dỗ, đem pháp môn do chính mình đã học được để truyền dạy cho Thiện Tài. Phần kinh văn như vậy thuộc về đoạn ba.

(Sớ) Tứ, khiêm kỷ thôi thắng.

(疏)四謙己推勝。

(Sớ: Bốn là tự mình nhún nhường, đề cao người khác)

Pháp môn của Phật vô lượng vô biên. Quý vị thấy mỗi một vị thiện tri thức tự mình rất khiêm hư: “Trong vô lượng pháp môn, tôi chỉ biết được một pháp môn này, chẳng bằng những vị thiện tri thức khác, họ hiểu biết nhiều, đều cao minh hơn tôi!” Tự mình khiêm hư, tán thán người khác. “Thôi” (推) là đề cao, [“thôi thắng” là] đề cao người khác giỏi giang hơn mình, người khác đều giỏi hơn tôi. Không có vị nào nói chính ta rất tuyệt vời, những kẻ khác đều kém ta! Không có! Tìm một vị như vậy trong năm mươi ba lần tham học tìm không ra, vị nào cũng đều khiêm hư. Đối với chỗ này chúng ta phải lưu ý, phải chú tâm thấu

hiểu; nếu gặp một vị thiện tri thức nào tự nhận [chính mình] rất tuyệt vời: “Người khác đều thua ta, ta là thiện tri thức thật sự!” Chắc chắn kẻ ấy là giả trá, chắc chắn không phải là thiện tri thức thật sự. Vì sao vậy? Do chẳng tương ứng với pháp!

(Sớ) Ngũ, chỉ thị hậu hữu.

(疏)五指示後友。

(Sớ: Năm là chỉ bày vị thiện tri thức kế tiếp)

Nhất định phải giới thiệu một vị thiện tri thức khác cho Thiện Tài, “ông đến đó tham học”, giới thiệu đến nơi đó. Đoạn cuối cùng:

(Sớ) Luyến đức, lễ từ

(疏)戀德禮辭。

(Sớ: Luyến mộ phẩm đức, lễ bái, từ tạ).

Phần kinh văn này tuy rất ngắn, những ý nghĩa hết sức sâu rộng. “Luyến đức” là cảm kích, cảm kích sự dạy bảo của thiện tri thức, thành tựu Định - Huệ cho chính mình, đây là “luyến đức”. “Lễ từ” nghĩa là gì? Trọn chẳng có nghĩa là “tôi xin phép từ già Ngài, tôi đi qua đó thưa hỏi”. Khi quý vị hiểu như vậy thì quý vị đại lắm, quý vị học Phật si đại rồi! Quý vị chẳng học được gì hết! Ý nghĩa chân chánh của “lễ từ” như sau: “Lễ” là cung kính lễ bái; “Từ” là gì? Tôi chẳng học pháp môn này! Tôi biết pháp môn này, tôi hiểu rồi, nhưng tôi vẫn thật thà niệm Phật! Từ đầu đến cuối Thiện Tài đồng tử thật thà niệm Phật, một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng. Thế nhưng pháp môn nào Ngài cũng đều hiểu, pháp môn nào cũng đều tiếp xúc, pháp môn nào cũng đều thưa hỏi, thứ gì cũng đều hiểu, nhưng vẫn như như bất động! Từ trước đến nay không thay đổi ý niệm, tôi muốn học cái này, muốn học cái kia, không hề có! “Luyến đức lễ từ” có ý vị ấy, có ý nghĩa này!

Nếu quý vị không đi thưa hỏi, quý vị hiểu biết ít ỏi, trí huệ của quý vị không viên mãn, công phu trấn định của quý vị không hiển hiện được. Sau khi quý vị tiếp xúc, mới biết như như bất động, phân minh rạch ròi, mới hiển thị được Định - Huệ chân thật của chính mình. Chính mình vẫn thật thà niệm Phật, mãi cho tới khi đến chỗ vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Do vậy, Thiện Tài đồng tử viên mãn thành Phật trong một đời, thành Phật bằng cách nào? Niệm A Di Đà Phật mà thành Phật! Vậy thì năm mươi ba lần tham học có ý nghĩa gì? Năm mươi ba lần tham học nhằm dạy bảo quý vị về sinh hoạt thường nhật trước khi được vãng sanh. Do vậy, chúng tôi gọi chung những điều này là “nghệ thuật sống hiện đại”. Quý vị chưa vãng sanh, quý vị vẫn ở trong thế gian này, quý vị vẫn có thân xác này, quý vị vẫn phải mặc áo, ăn cơm, quý vị vẫn phải ứng xử với hết thầy, mỗi ngày sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đây chính là năm mươi ba lần tham học. Tuy tiếp xúc, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp nào cũng đều có thể tiếp xúc, nhưng trong tâm có chủ thể (tức tâm luôn giữ được chủ ý), trong tâm như như bất động, cảnh giới bên ngoài

rành rẽ phân minh, một câu A Di Đà Phật niệm tới cùng. Đấy gọi là “*Thiện Tài đồng tử*”.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này thì mới thật sự đạt được Hoa Nghiêm tam-muội. Chứ chẳng phải là bảo quý vị bữa nay đến chỗ này nghe vị pháp sư này giảng, ngày mai đến chỗ vị thiền sư kia, ngày mốt đi nghe vị thượng sư nọ. Quý vị đến các nơi học loạn cào cào, quý vị chẳng phải là Thiện Tài đồng tử đâu nhé! Do vậy, kinh này rất có ý vị, kinh dạy chúng ta phương cách sống như thế nào, dạy chúng ta làm người ra sao, làm thế nào để trong đời này, trong xã hội phức tạp này mà xuất thế gian, thật sự thành tựu Định - Huệ của chính mình một cách viên mãn lớn lao! Phần tiếp theo....

(Sớ) Nhi chư văn đa cụ.

(疏)而諸文多具。

(Sớ: Nhưng trong các phần kinh văn, đa số đều có đủ cả [sáu khoa])

“*Chư văn*” ở đây là phần kinh văn thuộc năm mươi ba lần tham học, tức là năm mươi ba chương ấy, đại đa số đều có đủ cả sáu khoa này, tức là có đủ cả sáu đoạn này.

(Sớ) Cố tổng khoa chi.

(疏)故總科之。

(Sớ: Cho nên nêu chung các khoa ra).

Ở chỗ này đặc biệt giới thiệu [sáu khoa ấy].

(Sớ) Tiểu hữu tăng giảm, chí văn đương biện.

(疏)小有增減，至文當辨。

(Sớ: Hễ có sai khác đôi chút thì đến phần kinh văn ấy sẽ biện định rõ).

Cũng có lúc là có thể nhiều hơn một điều hay nhiều hơn một đoạn, mà cũng có thể là ít hơn một đoạn, nhưng trường hợp ấy rất hiếm. Đại đa số kinh văn đều có đầy đủ sáu đoạn lớn ấy. Do vậy, nếu gặp trường hợp đặc biệt như thế, đến lúc ấy sẽ lại giải thích.

(Sớ) Cánh hữu đa phân, dân lục trung biệt nghĩa hựu đa bất cụ, cố bất hiển chi.

(疏)更有多分。但六中別義又多不具，故不顯之。

(Sớ: Lại có người chia ra nhiều hơn, nhưng những nghĩa riêng biệt trong sáu phần trên đây đa số lại không có đủ, cho nên không nêu ra).

Cũng có những vị pháp sư khác chia đoạn này ra rất nhiều đoạn nhỏ; nhưng nói thật ra, hoàn toàn chẳng cần thiết cho lắm. Cách chia thành sáu đoạn như thế này hết sức rõ ràng, hết sức dễ hiểu. Do vậy, đại sư Thanh Lương bèn giới thiệu

ở đây trước khi giảng kinh. Chúng ta hiểu được mỗi đoạn, [mỗi đoạn kinh văn tường thuật] một lần Thiện Tài đến tham phỏng đều có sáu đoạn này, cho thấy Ngài là người rất ngăn nắp, rất đúng thứ tự, rạch ròi, không loạn xạ, phù hợp với tinh thần giới luật. Giới luật là quy củ, cách phân đoạn này có quy củ, theo đúng thứ tự.

Trong phần trước, sau khi Văn Thù Bồ Tát giới thiệu tỳ-kheo Cát Tường Vân với Thiện Tài đồng tử, dặn dò Thiện Tài đến nơi ấy tham học. Cuối đoạn kinh văn ấy, đại sư Thanh Lương nêu lên một câu hỏi để giải quyết lòng nghi. Đoạn ấy cũng hết sức quan trọng. Ngài lập ra một đoạn vấn đáp: Văn Thù Bồ Tát là vị trí huệ bậc nhất trong hàng Bồ Tát, hướng chi Văn Thù là “*thất Phật chi sư*”, tức là thầy của bảy vị Phật. Trong số học trò của Ngài đã có bảy vị đều thành Phật, trí huệ của Ngài làm sao còn có vấn đề cho được! Vì sao Ngài không dạy dỗ Thiện Tài đồng tử mà phải bảo Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng? Qua chỗ khác tham phỏng, chịu đựng nhọc nhằn như vậy để làm gì? Chính mình dạy bảo sẽ hay hơn chứ! Thiện Tài thật sự có năng lực, sẵn đủ khả năng tiếp nhận; vì sao Văn Thù Bồ Tát chẳng dạy cho Ngài, lại bảo đi tham phỏng? Quý vị có nghi vấn như thế hay chẳng? Quý vị thấy dạy học theo pháp thế gian và xuất thế gian, đều bảo chúng ta lúc mới học phải học theo lời dạy của một vị mà thôi, thâm nhập một môn mà! Thiện Tài tham dự pháp hội của ngài Văn Thù, tức là [học theo] lời dạy của một vị, tiếp nhận lời răn dạy của một vị thầy, đắc Căn Bản Trí³! Nếu nói như vậy thì nếu Ngài tự muốn làm Phật hay làm Tô, sẽ thật sự có thể làm được. Thế nhưng, nếu muốn hóa độ hết thảy chúng sanh, phải theo như kinh này đã dạy, sau khi “*nhập Trụ*” (chứng các địa vị trong Thập Trụ), không gian hoạt động phải là tận hư không, trọn pháp giới, chứ không phải là chỉ có một nơi này. Bởi lẽ đó, học rộng nghe nhiều là điều tất yếu; cho nên bảo quý vị phải đi thăm viếng các nơi.

Do vậy, đại sư Thanh Lương giải đáp nghi vấn này cho chúng ta. Trong lời giải đáp có mười ý nghĩa:

1. Ý nghĩa thứ nhất: Nêu ra tổng tướng (tướng trạng chung):

Nhằm làm gương cho kẻ hậu học. Quả thật, Văn Thù Bồ Tát có đủ khả năng dạy Thiện Tài, vì sao bảo Ngài đi tham học? Nhằm làm gương, làm mẫu, biểu diễn cho hàng hậu học xem: Học sinh xin học hỏi không lười nhác, dững mãi, tinh tấn, không mệt mỏi, chán ngán. Biểu diễn một chiêu ấy cho người đời sau xem! Do vậy, phải tìm thầy hỏi đạo. Luận về phía người làm thầy thì đối với đấng học trò thật sự đến cầu học, chắc chắn thầy không tiếc pháp. Chính mình biết được bao nhiêu, đều thật sự dốc hết túi ra. Do vậy, [bảo Thiện Tài đi tham học] chính là làm gương cho kẻ làm học trò, mà cũng là làm gương cho những ai là

³ Căn Bản Trí (Mūlajñāna), còn gọi là Căn Bản Vô Phân Biệt Trí, Như Lý Trí hay Thật Trí, chính là cội gốc của các trí, nó có thể khế nhập diệu lý Chân Như, bình đẳng như thật, không sai biệt, xa lìa các thứ hiểu biết do tìm cầu, suy lường. Đây chính là bản thể thật sự của chân trí.

thiện tri thức hoặc là kẻ làm thầy. Đây là ý nghĩa thứ nhất của chuyện bảo Thiện Tài đi tham học, dụng ý ở chỗ này!

2. Ý nghĩa thứ hai là nhằm hiển thị hạnh duyên thù thắng:

“*Hạnh*” là tu hành. Thiện tri thức chân chánh tu học, chân thật phản tỉnh, mà cũng có nghĩa là các Ngài thật sự thanh tịnh. Trong thời đức Thế Tôn tại thế, trong Tăng đoàn có nhóm Lục Quân Tỳ Kheo⁴ mặt dày, phá rối, không nghe lời. Đức Phật bảo họ hướng về Đông, họ ngả sang Tây; bảo họ làm lành, họ khư khư làm ác. Suốt ngày từ sáng đến tối chuyên làm chuyện tếu ngoe, giống như “*tạo phản*” trong Tăng đoàn vậy. Thật ra, những vị này đều là Phật hay Bồ Tát thị hiện, bọn họ thật sự thanh tịnh; ngay cả những vị cư sĩ tại gia cũng là biểu diễn, điều này là sự thật. Phàm phu chúng ta không biết được đâu!

Ví như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, ai nấy đều đọc cả rồi. Vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ, đều là Phật, Bồ Tát diễn tuồng, biểu diễn cho chúng ta xem, biểu diễn đấy nhé! Làm những chuyện ác, Ngũ Nghịch, Thập Ác đều làm ráo. Về sau, nhà vua gặp Kỳ Bà; Kỳ Bà là đại thần trợ thủ đắc lực của vua. Kỳ Bà tới khuyên vua: “*Từ cổ đến nay, nghe nói có những quốc vương vì đoạt ngôi vua mà giết cha, chứ chẳng nghe nói có vua nào hại mẹ!*” Ông ta nói: “*Nếu bệ hạ hại mẹ thì bệ hạ là kẻ đại nghịch bất đạo, chúng thần không theo bệ hạ nữa!*” Do vậy, vua A Xà Thế nghe theo lời ông ta khuyên cáo; sau đây, Kỳ Bà dẫn nhà vua đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, sám hối, sửa lỗi. Sau này, vua học Phật, đều là biểu diễn hết! Mỗi một người đều là chân thật phản tỉnh. Chúng ta phải hiểu được điều này, chứ họ không phải là kẻ ác thật sự. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, hạng phàm phu mắt thịt chúng ta làm sao biết được? Họ lại chẳng nói cho quý vị biết: “*Ta là vị Bồ Tát nào ứng hóa*”. Chẳng thể nào nói với quý vị được! Kẻ nào nói ra đều là giả, chẳng phải là thật! Hễ là thật thì tuyệt đối chẳng nói với người khác. Trước kia cũng có vị một khi thân phận bị lộ ra bèn tịch ngay, vị ấy chẳng thể trụ trong thế gian này nữa! Thân phận bộc lộ mà vẫn chẳng tịch, vẫn ý vào đó chẳng tịch, chắc chắn là đồ giả, không có đạo lý ấy đâu nhé!

“*Tận tàng độ hóa Diệu Nghiêm*” (Giấu thật kín thân phận để hóa độ vua Diệu Trang Nghiêm), đây là một câu chuyện trong kinh Pháp Hoa, tức là một câu chuyện trong phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự, cũng là chuyện Phật, Bồ Tát thị hiện. Chớ nên thấy những chuyện họ làm đều là chuyện ác, họ đều giả vờ, nhằm biểu diễn cho chúng ta xem. Quý vị thấy người ta làm ác, về sau hồi đầu, hướng thiện, đây là dụng ý giáo hóa, hết sức sâu xa, dạy chúng ta điều gì? Chúng ta là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai. Phật, Bồ Tát thị hiện như vậy, chúng ta làm ác, tuy làm ác vẫn được cứu. Quý vị thấy họ làm ác, cuối cùng họ học Phật vẫn được cứu, vậy là ta cũng được cứu. Chỉ ra một con đường sáng sủa

⁴ Lục Quân Tỳ Kheo chỉ sáu tỳ-kheo ác kết thành bè đảng, không giữ luật nghi, làm nhiều chuyện ác. Đa số những giới luật do Phật chế ra là vì các tỳ-kheo này vi phạm. Theo Tứ Phần Luật, quyển hai mươi hai, sáu vị tỳ-kheo ấy tên là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Xiển Na (Chanda, còn phiên âm là Xa Nặc), A Thuyết Na (Āsvaka, còn phiên là A Thấp Bà), Phất Na Bạt (Punarvasu).

cho những kẻ làm ác! Trót làm ác, đừng sợ! Chỉ cần quý vị có thể quay đầu, quay đầu là bờ!

Đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ, quý vị cả đời làm ác, đến cuối cùng lâm chung gặp được bạn lành khuyên dạy quý vị, niệm Phật mười niệm đều quyết định vãng sanh. Quý vị còn gì để nói nữa đây? Trước kia, khi tôi mới học Phật, có người bàn nói trí huệ viên mãn, thần thông rộng lớn của đức Phật, chúng tôi lập ra một câu hỏi giả thiết: “Nếu kẻ ấy không điều ác nào chẳng làm, ngay lập tức phải đọa vào địa ngục A Tỳ, đức Phật có khả năng làm cho kẻ đó lập tức thành Phật được hay không? Nếu đức Phật không có năng lực ấy, [thì nói] ‘Phật vạn đức vạn năng’ là giả, là khen ngợi đó thôi, không phải là thật!” Hiện thời chúng tôi hiểu được đây là sự thật, đức Phật thật sự có năng lực ấy, vấn đề là đối phương có chịu tiếp nhận hay chẳng? Đối phương không tiếp nhận, dầu có năng lực, đức Phật cũng không có cách nào hết. Vấn đề là quý vị phải chịu tiếp nhận. Hiện thời, chúng tôi đọc Vô Lượng Thọ Kinh đã hiểu rõ rồi, suốt đời làm ác đa đoan, lâm chung được bạn lành khuyên dạy, lập tức tiếp nhận, do một câu Phật hiệu liền được vãng sanh, mới biết trí huệ, đức năng của đức Phật đúng là viên mãn. Do vậy, điều này cũng nhằm cảnh cáo chúng ta: Đối với những kẻ làm ác trong thế gian, chớ nên khinh mạn họ, chớ nên coi rẻ họ! Cũng có nhiều người lúc lâm chung gặp được bạn lành liền về Tây Phương làm Phật, còn chúng ta vẫn tiếp tục luân hồi trong sáu đường, thua xa họ!

Vì thế, trong kinh điển, Phật, Bồ Tát biểu diễn chiêu này để cho những kẻ làm ác trông thấy, chứ không phải là dạy quý vị làm ác, lâm chung mới quay đầu. Nếu quý vị hiểu như vậy, sẽ không vãng sanh được đâu! Đây là quý vị đã hoàn toàn cầu may, lâm mất rồi! Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này.

3. Điều thứ ba là phá chấp trước:

Đối với thầy, đừng nên chấp trước quá mức, chớ nên ý lại quá mức. Ý vào một vị thầy, ý lại quá mức, tức là quý vị đã có phân biệt, có chấp trước, lại sai mất rồi! Như vậy là dạy quý vị điều gì? Chính mình phải khiêm hư, phải trống lòng. Đến các nơi cầu học, ai cũng đều là bạn lành, ai cũng đều có thể thành tựu Định Huệ cho quý vị. Phá phân biệt, phá chấp trước đây! Đem tâm lòng cung kính thầy của quý vị để đối đãi khắp hết thầy mọi người. Do vậy, dụng ý này hết sức tốt đẹp.

4. Điều thứ tư, phá trừ ngạo mạn:

Nếu quý vị ở giữa hết thầy đại chúng, trong hết thầy đại chúng có nam, nữ, già, trẻ, có hiền, ngu khác nhau, có người rất có trí huệ, cũng có kẻ rất ngu si. Quý vị đừng thấy người ta rất ngu si. Người rất ngu si cũng có ưu điểm, cũng có những chỗ quý vị không thể bằng được. Phá trừ thành kiến ngạo mạn của quý vị, dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm không thẹn để hỏi han [kẻ kém cõi hơn mình], như vậy thì mới có thể thực hiện sự “lễ kính chư Phật” của Phổ Hiền Bồ Tát, chính mình mới thật sự trọn đủ [sự “lễ kính chư Phật” của Phổ Hiền Bồ Tát].

5. Ý nghĩa thứ năm là phá trừ chấp trước thiên Không:

Do có những người căn tánh bậc nhất, sau khi nhập Không giới bèn cảm thấy chẳng có gì đáng để mong mỏi nữa, chẳng cần phải cầu nữa! Ở đây, Bồ Tát thị hiện, trong sự vô cầu, chúng ta vẫn phải cầu. Ý nghĩa này rất sâu! Bởi lẽ, quý vị chấp vào Không, [tức là đã] thiên chấp vào một bên. Chấp vào Có, cũng là lệch sang một bên. Trong “*vô sở cầu*” (không có gì để mong cầu), ta vẫn phải đoạn ác tu thiện, vẫn phải cầu pháp tinh tấn! Hai bên Không và Có đều chẳng trụ, hiển thị Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Đây chẳng phải là một câu nói suông, trong sinh hoạt thường ngày, vẫn cứ y như cũ! Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế nằm trong sinh hoạt thường ngày, chẳng hề tách rời cuộc sống!

6. Ý nghĩa thứ sáu là biểu diễn cho chúng ta thấy hết thấy mọi chuyện đều là tu hành, tu hành ở ngay nơi Sự:

Mặc áo, ăn cơm là tu hành, quý vị làm việc mỗi ngày là tu hành, không có gì chẳng phải là tu hành! Tu cái hạnh nào? Thập Độ, Thập Nguyên. Mặc áo là Thập Độ, Thập Nguyên, ăn cơm cũng là Thập Độ, Thập Nguyên. Quý vị phải thấu hiểu chỗ này. Do vậy, đại sư nói: “*Thà là nghe ít mà vẫn có thể chứng nhập. Chứ không phải là nghe nhiều mà chẳng hành, chẳng chứng*”. Đây là nói về tu hành chứng quả. Nói đích xác, một môn là đủ rồi. Nghe nhiều, nhưng quý vị chẳng thể hành nhiều được, chẳng thể chứng nhiều được, vẫn là vô dụng!

7. Ý nghĩa thứ bảy là phá [thành kiến] thuyết pháp:

Vị thầy thuyết pháp thường có thành kiến “ta là thầy, người là học trò của ta”. Đối với pháp thế gian, điều này không sai, nhưng trong tâm quý vị có ý niệm ấy, tức là quý vị đã có phân biệt, có chấp trước rồi! Do vậy, bảo người ta đi sang nơi khác tham học thì những phân biệt, chấp trước ấy sẽ không còn nữa.

8. Ý nghĩa thứ tám là hiển thị tấn tu ở ngay nơi địa vị ấy, biểu diễn cho mọi người xem:

Tu học pháp thế gian hay xuất thế gian đều có thứ tự, chia theo từng loại để học, chớ nên học nhảy lớp, cứ tiến dần dần. Mỗi một vị thiện tri thức nhất định giới thiệu cho quý vị một vị thiện tri thức kế tiếp, nhằm ý nghĩa nhắc quý vị hãy dần dần nâng cao cảnh giới của chính mình hòng tiến bộ, đừng ở lì nơi đây. Ở lì nơi đây, quý vị sẽ chẳng thể tiến bộ được đâu! Do vậy, “*luyện đức lễ từ*”, giới thiệu vị thiện tri thức kế tiếp là có dụng ý như vậy.

9. Ý nghĩa thứ chín là hiển thị Phật pháp sâu rộng vô tận:

Quý vị hầu hạ, cung kính trọn khắp các thiện tri thức, tham học trọn khắp cũng chẳng có cách nào trọn hết các duyên được, [điều này] cho thấy Phật pháp vừa sâu vừa rộng. Thiện hữu chân thật đều tự mình khiêm hư, khen ngợi người khác vượt trội chính mình. Nếu là phàm phu, khi trí huệ chưa hiện tiền, làm sao để nhận biết được?

10. Trong điều cuối cùng, đại sư Thanh Lương giảng: Cho thấy rõ Thiện Tài và thiện hữu có duyên kế hợp nhau

Ý nghĩa này giống như điều thường được các vị cổ đức của Trung Quốc đề cập, tức là: “*Sư tu đạo hợp*” (Thầy trò hợp đạo). Thầy giúp đỡ trò, trò cũng giúp đỡ thầy, đôi bên giúp đỡ nhau thành tựu.

Thiện Tài có năng lực, có nguyện vọng đến cầu học, dẫn khởi thiện tri thức dạy dỗ. Thiện tri thức có trí huệ, có năng lực chỉ dạy, giúp cho Thiện Tài đồng tử chứng nhập; do vậy đôi bên ảnh hưởng lẫn nhau, Năng và Sở⁵ như một. Đây là điều chúng tôi thường hay nói: “*Giáo học tương trưởng*” (Dạy học làm cho đôi bên cùng được tăng trưởng). Quý vị muốn thành tựu trí huệ, quý vị phải có nhiệt tâm dạy dỗ người khác. Quý vị dạy dỗ người khác thì mới thành tựu trí huệ được. Bình thường giảng kinh cũng giống như thế, qua một buổi giảng, trong một tiếng rưỡi ấy, nếu không có ai hỏi, giảng xong coi như hết chuyện, tưởng chừng rất viên mãn. Nếu có ai nêu ra mấy câu hỏi, [người giảng mới nhận biết] quả thật là [lời giảng của chính mình] vẫn chưa được viên mãn. Trong ấy, vẫn còn có thắc mắc, không nhận biết được! [Thính chúng] hỏi câu ấy, [những vấn đề ấy] mới lộ ra; khi không hỏi thì không nghĩ tới. Khi được hỏi, lập tức nghĩ tới; rồi tới khi phân tích, trí huệ liền hiện tiền. Đây là giúp đỡ lẫn nhau thành tựu vậy!

Do vậy, sau khi quý vị đã hiểu rõ, [sẽ biết] Thiện Tài và thiện hữu là một chứ không phải là hai, đúng như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Một tức hết thấy, hết thấy chính là một*”. Thiện Tài lưu ý, chiếu theo thứ tự thuận này, đạt rất ráo viên mãn bốn mươi một địa vị. Không có Thiện Tài thì cũng không có thiện hữu. Không có thiện hữu, cũng chẳng có Thiện Tài! Nói cách khác, không có trò, làm sao có thầy? Không có thầy, cũng chẳng có trò! Quan hệ thầy trò nhất định phải là xin học và dạy học hỗ tương mới thành lập được; tách rời một phía thì đôi bên đều không có! Do vậy, mười ý nghĩa trên đây không điều nào chẳng nhằm giảng rõ quan hệ thầy trò, giảng rõ mô hình dạy học. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa sâu xa này. Vì sao Văn Thù Bồ Tát chẳng dạy? Có ý nghĩa như vậy đó!

Cùng một đạo lý ấy, chúng tôi giảng kinh suốt ba mươi bảy, ba mươi tám năm; trong quá khứ, khi lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ còn sống, chúng tôi gặp gỡ mấy lần, cũng thường gởi thư cho nhau. Lão nhân gia khuyên tôi, cụ nói: “Ông biết giảng kinh, giảng nhiều năm như vậy, không cần phải giảng nữa, cũng không cần phải bôn ba khắp nơi. Ông hãy nên buông xuống hết thấy để chuyên tâm bồi dưỡng nhân tài”. Cụ nói: “Phật pháp không có người kế tục, vấn đề này nghiêm trọng lắm!” Vấn đề ấy tôi nghĩ người nào cũng đều biết, xuất gia hay tại gia cư sĩ đều hiểu Phật pháp không có người kế thừa thì làm sao được! Do vậy, cụ dạy tôi,

⁵ Năng là chủ thể, Sở là đối tượng thụ động. Ở đây, Năng là người dạy, Sở là người học.

cụ nói: “Trong tuổi già, ông có hai chuyện [phải lo], một là bồi dưỡng nhân tài, mặt khác là viết sách”. Tôi thưa với cụ, tôi nói: “Tôi hiểu chứ, tôi biết chứ, nhưng duyên chưa chín muồi!” Tôi phát tâm dạy, ai học với tôi? Tôi trọn chẳng thể tìm được người để nói như thế này: “Anh đến học với tôi!” có đạo lý ấy hay chẳng? “Cầu học” là đến để xin học, tôi đến đâu để tìm ra được người như vậy? Chiêu sinh ư? Hiện thời có người chiêu sinh; quý vị xem trong kinh điển, có thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật, Bồ Tát, có vị nào chiêu sinh hay chẳng? Không có vị nào chiêu sinh cả! Vì sao các Ngài không chiêu sinh? Luôn tự cảm thấy chính mình chưa đúng, làm sao dám chiêu sinh? Vậy thì khi chiêu sinh, tôi có mặt mũi nào nhìn người ta? Người ta tìm đến học, họ tìm đến thì không có cách nào hết, tôi chỉ đành dạy họ! Do vậy, chiêu sinh tức là cảm thấy công cao ngã mạn, tự cho ta là đúng!

Quý vị thấy năm mươi ba vị thiện tri thức này đều là do người khác giới thiệu [học sinh] đến học, không có vị nào tự tìm [học trò]! Đức Phật cũng không chiêu sinh; quý vị đọc Đại Tạng Kinh, đức Phật chiêu sinh vào lúc nào? Không chỉ là trong nhà Phật không chiêu sinh, mà những vị thầy Trung Quốc thời cổ cũng chẳng hề chiêu sinh. Chiêu sinh là học từ đâu? Học từ ngoại quốc! Trong văn hóa Trung Quốc, không có chiêu sinh. Quý vị chiêu sinh, phát thiệp quảng cáo ra, người ấy to gan, người ấy có nhiều môn đại học vấn, nhiều đức hạnh lớn lao hay chẳng? Ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật, Khổng lão phu tử, cũng đều chẳng dám chiêu sinh, quý vị cả gan chiêu sinh thì có nên hay chẳng? Vì tôi hiểu đạo lý này, tôi cũng hy vọng làm như vậy [tức là làm như cụ Hoàng đã đề nghị], nhưng duyên chưa chín muồi, không có ai đến học. Khi tôi đi khắp nơi là đến khắp mọi chỗ nhằm kết pháp duyên với người ta. Bởi lẽ, hết thầy các duyên của tôi chưa chín muồi, nếu ở một chỗ thì ở chỗ nào đây? Duyên chưa chín muồi, cho nên đi khắp nơi kết pháp duyên. Đợi đến khi nhân duyên chín muồi, tôi nói: “Tôi nhất định làm được!”

Không ngờ vào đầu năm ngoái, nhóm ông Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba tổ chức một khóa học bồi dưỡng huấn luyện, mời tôi sang dạy. Mời tôi sang dạy, chuyện ấy thì được, không phải do tôi chiêu sinh. Ông ta đi tìm học sinh, mời tôi đến dạy, như vậy thì được. Sau khi ổn định, hiện thời có không ít đồng tu giúp đỡ tôi, đem những băng ghi âm, băng ghi hình những điều tôi đã giảng trong quá khứ, chỉnh lý thành văn tự; nhưng sau khi chỉnh lý xong, tôi nhất định phải coi lại một lượt, có nhiều chỗ không thỏa đáng, phải sửa chữa, phải thêm bớt. Coi như vậy xong thì những bài ấy mới được xuất bản, mới có thể lưu thông. Hiện thời, những thứ đăng tải trên Internet, phần lớn tôi đã xem qua; những gì tôi không đọc qua, không thể đăng lên Internet, không thể xuất bản được!

Vì thế, vào lúc tuổi già, tôi chuyên môn làm công tác này, nhưng công tác ấy cũng chính là nguyện vọng của Quán Trưởng. Hai điều đầu trong nguyện vọng của Quán Trưởng chính là do ý nghĩa này. Bà ta mong tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm cần phải được giảng. Trước khi bà ta khai thỉnh, pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam [đã thỉnh]. Nói chung, pháp sư Khai Tâm thỉnh tôi không dưới mười lượt, Ngài xin tôi giảng Hoa Nghiêm. Đây là một bộ kinh lớn, nhân duyên hy hữu. Lão pháp sư Khai Tâm cũng rất khách sáo, cụ nói: “Nếu pháp sư không

giảng, sợ rằng sau này, sẽ chẳng có ai giảng cả!” Lời nói ấy đương nhiên là nói quá đáng, cho thấy lão nhân gia khái thỉnh rất chân thành. Tôi bèn thưa: “Cơ duyên chín muôi, tôi nhất định giảng kinh này một lượt, những kinh khác tôi không giảng”.

Do vậy, từ lần này trở đi, tôi dùng phương pháp sau đây: Coi mỗi chương như một đơn vị. Sau này, tại hải ngoại hoặc trong nước, địa phương nào thỉnh tôi giảng kinh, tôi bèn giảng mấy đơn vị; sau đấy mới tổng hợp lại thì sẽ thành một bộ kinh Hoa Nghiêm hoàn chỉnh. Chỉ có dùng phương pháp này thì mới giảng xong được. Nếu không, theo cách giảng của tôi trong hiện thời để giảng bộ kinh này, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi, mỗi ngày đều giảng không gián đoạn, cũng có thể tạm nghỉ, mỗi một tuần nghỉ một ngày, [mỗi tuần] giảng sáu lần, phải mất bao lâu mới giảng xong? Tôi phỏng tính tôi thiểu là bảy năm. Giảng mỗi ngày, mỗi tuần giảng sáu ngày, không bỏ dở giữa chừng, phải giảng bảy năm mới có thể hoàn thành. Kinh thật sự lớn quá! Trong quá khứ, đại sư Thanh Lương giảng bộ kinh này, Ngài cũng giảng mỗi năm một lượt, mỗi ngày Ngài giảng tám tiếng; do vậy, có thể hoàn thành trong một năm. Hiện thời, chúng tôi giảng mỗi ngày một tiếng rưỡi, nếu sáu ngày muốn nghỉ một ngày thì tối thiểu là phải bảy năm mới có thể hoàn thành. Vì thế, đây là chuyện rất khó có, cũng rất hiếm có, tôi mong sẽ hoàn thành công tác này. Trên đây là phần giới thiệu, chúng tôi nói đến đây thôi. Nay chúng ta xem kinh văn. Trang thứ hai, dòng thứ tư:

(Sớ) Kim thử Cát Tường Vân tỳ-kheo ký Phát Tâm Trụ, vị duyên Phật thập lực, nhi phát chí cầu, khởi đại bi tâm, hạ hóa hàm thức, Bi Trí tương đạo, Chung Trí tương ứng, danh Phát Tâm Trụ. Văn cụ lục đoạn.

(疏)此吉祥雲比丘寄發心住。謂緣佛十力，而發志求。起大悲心，下化含識。悲智相導，種智相應，名發心住。文具六段。

(Sớ: Nay tỳ-kheo Cát Tường Vân gởi thân nơi địa vị Phát Tâm Trụ, nghĩa là duyên theo mười lực của Phật để phát khởi chí hướng mong cầu, khởi tâm đại bi, dưới là hóa độ hàm thức, Bi và Trí hướng dẫn lẫn nhau, tương ứng với Chung Trí thì gọi là Phát Tâm Trụ. Kinh văn có đủ cả sáu đoạn).

Sáu đoạn này đã được nói trong phần trước. Trước hết, phải giới thiệu tỳ-kheo Cát Tường Vân, chúng tôi giới thiệu vị này. “Cát Tường” theo lời chú giải của ngài Thanh Lương thì phải có đầy đủ bốn đức mới được gọi là Cát Tường. Đức thứ nhất là có Định, đức thứ hai là có Phước, đức thứ ba là có lòng Bi, đức thứ tư là có Trí. Chính là như ở chỗ này nói Ngài có Định, Phước, Bi, Trí, có đầy đủ bốn đức, đương nhiên là Cát Tường (tốt lành). Sau chữ Cát Tường dùng chữ Vân. Trong kinh Phật sử dụng chữ Vân hết sức nhiều. Như trong kinh Địa Tạng nói “đại viên mãn quang minh vân” (vàng mây quang minh lớn viên mãn), mười hai thứ quang minh đều dùng chữ Vân để tỷ dụ. Trong kinh này, đại sư Thanh Lương nói chữ Vân có bốn ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là “phổ biến”, ý nghĩa thứ hai là “nhuận trạch”, ý nghĩa thứ ba là “phước âm” (tiếng ân phước), ý nghĩa thứ tư là

“chứa đựng mưa”, tức là trong mây có chứa lượng mưa, có thể tuôn mưa. Bốn cách nói này đều là dựa theo Tượng để nói.

Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng không ít lần, trong kinh điển Đại Thừa, phải từ ý nghĩa biểu thị pháp để nói: Mây biểu thị có Tượng, nhưng không có Thể. Điều này con người chúng ta hiện thời đều hiểu rất rõ ràng. Hiện thời, quý vị đáp phi cơ, bay lên tầng mây, chẳng có một chút chướng ngại nào. Nhìn từ dưới lên, mây đóng thành tầng rất dày, nhưng bay tới đó rồi, trọn chẳng có chướng ngại gì hết! Thể (bản thể) là không tịch, tượng trưng cho có Tượng, có tác dụng (Dụng), nhưng Thể không có. Mây biểu thị ý nghĩa này! Như vậy thì Cát Tường Vân được nói ở đây cũng nhằm biểu thị ý nghĩa này. Định, Phước, Bi, Trí cũng là “*Tượng có, Thể không*”, cho nên dùng Mây để tỷ dụ.

Vậy thì rõ ràng vị này là Pháp Thân đại sĩ, Ngài đã vượt trời mười pháp giới, đã chứng được Nhất Chân pháp giới, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Vì sao vẫn gọi Ngài là tỳ-kheo? Tỳ-kheo là người xuất gia; ở đây, dùng chữ “*tỳ-kheo*” nhằm cho biết Ngài là người xuất gia. Ngài ra khỏi cái nhà nào? Nhà mười pháp giới. Vì thế, thông thường chúng ta nói đến “nhà”, người ta thường bảo: Anh rời khỏi cái nhà “cha mẹ, vợ con, ruộng nương, nhà cửa”. Không đúng! Đây là hình thức, không kể tới! Có người nói: “Lục đạo là nhà”. Quý vị rời lìa lục đạo mới tính là xuất gia, đây là xuất gia trong Tiểu Thừa. Xuất gia trong Đại Thừa là “thoát khỏi mười pháp giới”. Như vậy, [xuất gia] ở đây là thoát khỏi mười pháp giới; vừa mới ra khỏi mười pháp giới, tuy là Pháp Thân đại sĩ, vẫn gọi Ngài là “*tỳ-kheo*”. Dùng [chữ “*tỳ-kheo*”] theo ý nghĩa này, chứ không phải Ngài thật sự là tỳ-kheo.

“*Ký phát tâm trụ*”: Phát Tâm Trụ là Sơ Trụ, tức Sơ Trụ Bồ Tát. “*Phát*” là phát tâm, tức phát Bồ Đề tâm. Do đây có thể biết: Thật sự phát Bồ Đề tâm, hẳn phát được Bồ Đề tâm, sẽ thuộc về địa vị này. Chúng ta hằng ngày thường nói: “*Phát Bồ Đề tâm! Phát Bồ Đề tâm*”. Đây là hô khẩu hiệu, vô ích! Một khi thật sự phát Bồ Đề tâm, quý vị liền thoát khỏi tam giới. Trong kinh Vô Lượng Thọ, phát Bồ Đề tâm cũng rất quan trọng. Quý vị thấy “*Tam Bối Vãng Sanh*”, trong mỗi một Bối (bậc), đức Phật đều dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Nếu quý vị không phát Bồ Đề tâm, sẽ không thể thoát lục đạo được, không thể thoát tam giới được! Do vậy, nhất định phải “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*” nhằm vãng sanh Tịnh Độ. Bởi lẽ, thế giới Tây Phương cũng là Nhất Chân pháp giới, cho nên không phát Bồ Đề tâm, sẽ không thể đến được. Do đây hiểu được sự trọng yếu của phát Bồ Đề tâm. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt được vãng sanh*”, nguyện thứ mười chín là “*phát Bồ Đề tâm*”. Do vậy, hai nguyện này hết sức trọng yếu!

Nếu bàn về khuôn mẫu để phát Bồ Đề tâm, Đại Thừa Khởi Tín Luận chính là khuôn mẫu cho kẻ mới phát tâm. Vì thế gọi là Đại Thừa Khởi Tín. “*Khởi*” có phải là vừa mới bắt đầu hay không? Những lý luận, phương pháp được giảng trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nếu quý vị đều làm được hết thì quý vị là bậc Phát Tâm Trụ Bồ Tát. Lại thừa cùng quý vị, những lý luận, phương pháp được giảng trong kinh Kim Cang nếu quý vị đều làm được hết thì cũng là bậc Phát Tâm Trụ Bồ Tát. Trong hết thảy mọi người, hết thảy sự, hết thảy vật, quý vị sẽ thật sự thực

hiện “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. “*Chẳng chấp lấy tướng*” là bên ngoài đều buông xuống hết, chẳng chấp trước mảy may nào. Trong tâm tự tại, “*như như bất động*”, biết hết thấy các pháp là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng giống như ánh chớp. Đây chính là quý vị đã hiểu rõ, thấu suốt chân tướng của hết thấy các pháp. Địa vị nào vậy? Phát Tâm Trụ Bồ Tát đấy!

Còn có những vị đồng tu ưa thích kinh Lăng Nghiêm, còn có người yêu cầu tôi giảng kinh Lăng Nghiêm. Hiện tại, tôi không giảng Lăng Nghiêm, chứ trong quá khứ tôi đã giảng nhiều lần. Hai mươi lăm chương Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm chính là sự biểu diễn của hai mươi lăm vị Bồ Tát, các Ngài đều là Phát Tâm Trụ. Vì thế trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng là Phát Tâm Trụ, tức Sơ Trụ Bồ Tát; Đại Thế Chí Bồ Tát cũng là Sơ Trụ Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát có ba bộ kinh: Trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài là Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát; trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát; trong hội Lăng Nghiêm, Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát. Như vậy là địa vị của Quán Thế Âm Bồ Tát [trong mỗi kinh] khác nhau, công phu tu hành có cạn hay sâu khác nhau. Đây chính là điều chúng ta phải biết. Do vậy, Ngài là bậc “*gởi thân nơi Phát Tâm Trụ*”.

Tiếp đó là lời giải thích, thế nào là Phát Tâm Trụ? “*Duyên Phật thập lực*”: Ở đây, chúng tôi lược bớt, không cần giảng cặn kẽ về mười loại lực của đức Phật. Khi giảng cặn kẽ, sẽ phải tốn thời gian rất lâu. Trong quá khứ, tôi đã giảng [Thập Lực] rất nhiều lần. Nếu chưa hiểu rõ, hãy tra trong Phật Học Từ Điển và sách Giáo Thừa Pháp Số đều có. Nơi quả địa Như Lai, có mười thứ năng lực thù thắng, Bồ Tát đều chẳng bằng được; Nhị Thừa, phàm phu hoàn toàn không có. Bồ Tát cũng có mười lực, danh xưng giống như mười lực của Như Lai, nhưng cảnh giới, công phu chẳng sánh bằng Phật. Vì vậy, nói: “*Duyên Phật thập lực, nhi phát chí cầu*”. Đây chính là phát nguyện mong làm Phật, giống như bên Thiên Tông, Lục Tổ đại sư đã kể trong Đàn Kinh. Ngài đến núi Hoàng Mai tham lễ Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Ông đến làm gì?” Ngài thưa: “*Con đến làm Phật*”. Ngài muốn đến làm Phật, chí hướng ấy rất lớn! Quý vị thấy mọi người đến đây, quý vị hỏi: “Các vị đến đây làm gì?” “Tôi đến để tiêu tai, tôi đến làm một chút công đức”. Họ đến làm những chuyện đó. Chúng tôi chưa hề nghe nói có một ai muốn đến làm Phật cả! Chưa từng nghe nói tới! Quý vị đều không có ý niệm ấy, làm sao quý vị có thể làm Phật cho được? Chí hướng quan trọng lắm! Bởi vậy, Lục Tổ mới có thể thành tựu, mở miệng ra đã khác hẳn kẻ khác, Ngài muốn làm Phật! “*Nhi phát chí cầu*” (Bèn phát khởi chí hướng mong cầu), phát ra cái tâm ấy, Ngài thật sự có cái tâm ấy, thật sự có sự hành trì ấy.

“*Khởi đại bi tâm, hạ hóa hàm thức*”: Ngài thật sự có thể thượng cầu, hạ hóa. Quý vị thấy trong thời ấy, tuy Lục Tổ còn chưa xuống tóc, vẫn còn mang thân phận cư sĩ, tuổi lại còn rất trẻ. Khi Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài, Ngài chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Người ta cầu đạo với Ngài, Ngài đều giảng rõ tường tận cho người ta, không bòn xén một chút pháp nào! Vì thế, chúng ta quan sát cặn kẽ sự hành trì, phát tâm của Ngài sẽ thấy những điều ấy đều phù hợp với những điều được giảng trong kinh.

“*Bi Trí tương đạo*” (Bi và Trí hướng dẫn lẫn nhau), Bi khơi gợi trí huệ, trí huệ mở rộng tâm đại bi. “*Chủng Trí tương ứng*”: Chủng Trí là Nhất Thiết Chủng Trí, là trí huệ nơi quả địa Như Lai, là trí huệ tương ứng với Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Trí huệ ấy thường hiện tiền, giống như Lục Tổ đã nói. Ngài thưa với Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Thường sanh trí huệ như vậy chính là “*Bi Trí tương đạo, Chủng Trí tương ứng*”. Địa vị ấy chính là Phát Tâm Trụ, là hình trạng của Sơ Phát Tâm, tướng ấy tốt lành. Quý vị phải hiểu: Trong tâm thường sanh trí huệ, tức là chẳng sanh phiền não. Cái tâm này của chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm toàn là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không có trí huệ! Nếu quý vị suốt ngày từ sáng đến tối vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều không có, tâm quý vị sẽ thường sanh trí huệ, sẽ có tương ứng.

Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì chân tướng sự thật cũng dần dần hiểu được mấy phần. Vấn đề là chúng ta có thật sự muốn làm hay không? Vì sao chẳng làm được? Quý vị quá coi trọng thế duyên (duyên trong cõi đời), quý vị không biết hết thấy các pháp thế gian hay xuất thế gian đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, quý vị không biết! Nếu quý vị hiểu được rằng: Nói “*hết thấy các pháp đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng giống như tia chớp*” là nói thời gian tồn tại ngắn ngủi, tạm thời. Nếu quý vị thấy thấu suốt được chân tướng sự thật ấy, lẽ nào chẳng bỏ được? Tự nhiên sẽ buông xuống, buông xuống những gì? Buông xuống hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; sau đây, quý vị sẽ sanh trí huệ, quý vị vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới. Sau khi đã vượt thoát, không gian hoạt động của quý vị sẽ là tận hư không, trọn pháp giới. Phải tích cực học! Quý vị buông xuống một phần, được tự tại một phần; buông xuống hai phần, được tự tại hai phần. Quý vị không chịu buông xuống, đây gọi là nghiệp chướng. Nếu nói khó nghe hơn, thì sự thật đều là tội nghiệp. Tội nghiệp đây!

Quý vị có tiền, có tiền nhưng không buông xuống được, hễ buông xuống không được, sẽ là tội nghiệp. Tôi có tiền cất trong ngân hàng, không buông xuống, tôi tạo tội gì? Bao nhiêu người khốn khổ trong thế gian thiếu hụt tiền bạc, quý vị không bố thí, quý vị chẳng tạo tội nghiệp thì ai tạo tội nghiệp đây? Vậy là quý vị tạo tội nghiệp. Người ta thường không hiểu được điều này, cứ cho là không có tội lỗi. Trong tương lai, sau khi chết, đến chỗ vua Diêm La tra xét, mỗi một điều bày ra cho quý vị thấy; lúc ấy, quý vị có hối hận đã không kịp nữa rồi! Vì thế, điều gì cũng phải xả, có xả thì mới có thể đạt được. Quý vị xem đó, Cát Tường Vân biết xả, nên Ngài đạt được gì? Ngài đắc Phát Tâm Trụ, Ngài đạt được điều này. Ngài đã đạt được, Ngài vượt khỏi mười pháp giới, Ngài đạt được điều ấy. Do vậy, sau khi xả, nhất định có đạt được. Bỏ nhiều, được nhiều, chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật xả sạch sành sanh; vì thế, Ngài đạt được viên mãn! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm Sanh Tướng Vô Minh⁶ chưa thể bỏ được, nên Ngài vẫn chưa đạt

⁶ Sanh Tướng Vô Minh (Mulavidya), còn gọi là Vô Thủy Vô Minh, Nguyên Phẩm Vô Minh hoặc Căn Bản Vô Minh, là căn bản của hết thấy phiền não, tức là cái tâm còn mê chưa hoàn toàn giác ngộ, là một ý niệm khởi lên trước hết trong biển Chân Như. Do chưa thấu hiểu lý bình đẳng của pháp giới, lầm lạc ngăn cách với lý tánh bình đẳng, nên gọi là Vô Minh. Y theo

được viên mãn như Phật. Nếu bỏ được một phẩm Sanh Tướng Vô Minh ấy, Ngài sẽ viên mãn, Ngài sẽ đạt được viên mãn. Do vậy, phải nhớ kỹ “xả đắc”.

Gần như là sau khi tôi thấy được điều ấy, tôi cho khắc cái ấn chương (huy hiệu) này. Tôi khắc ở Tân Gia Ba, khắc chữ “xả đắc” rồi phóng to lên; bọn họ đem in, đặt ở ngoài [giảng đường] để tặng [cho mọi người]. Quý vị cầm về nhà xem, thường xuyên xem tới, phải xả! Hễ xả, sẽ đạt được. Nếu quý vị không xả thì hỏng bét! Không xả thì lục đạo luân hồi không ra được đâu, có tội thì phải chịu mà! Vì thế, phải xả, đem những thứ ấy bỏ hết đi, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị sẽ đạt được Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị muốn ở nơi này để làm gì? Nói thật ra, cho tôi trọn cả thế giới, tôi cũng không ham! Mời tôi lên cõi trời Đại Phạm làm thiên vương, tôi cũng chẳng làm. Tôi biết nơi đó là chỗ lừa gạt, là hầm bẫy; quyết định muốn tới thế giới Cực Lạc, tới thế giới Cực Lạc để thành tựu. So với năm mươi ba lần tham học, càng thù thắng hơn, không có cách gì so sánh được! [Ngài Thanh Lương] giới thiệu về Phát Tâm Trụ [như vậy]. “*Văn cụ lục đoạn*” (Kinh văn có đầy đủ sáu đoạn): Trong phần kinh văn tiếp theo của chương này, có đủ cả sáu đoạn lớn như phần trên đã nói. Mỗi một chương đều theo cách chia đoạn này. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới đây.

Tập thứ hai (12-03-02)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai, dòng thứ sáu. Xin đọc kinh văn:

(Kinh) Nhĩ thời Thiện Tài đồng tử tiệm thứ Nam hành, vãng Thắng Lạc quốc, đăng Diệu Phong sơn. Ư kỳ sơn thượng, Đông, Tây, Nam, Bắc, tứ duy, thượng, hạ, châu biến cầu mịch, kinh vu thất nhật, cánh bất năng kiến. Do vị cần cầu thiện tri thức cố, quyền xả thân mạng, vô cơ khát tưởng, chánh niệm quán sát, tâm an vô thoái.

(經)爾時善財童子漸次南行，往勝樂國，登妙峰山。於其山上，東西南北，四維上下，周遍求覓。經于七日，竟不能見。由為勤求善知識故，捐捨身命，無飢渴想，正念觀察，心安無退。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thiện Tài đồng tử theo thứ tự đi dần về phương Nam, tới nước Thắng Lạc, lên núi Diệu Phong. Ở trên núi, tìm tòi trọn khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới trải qua bảy ngày, vẫn chẳng thể thấy [tỳ-kheo Cát Tường Vân]. Do vì siêng cầu thiện tri thức, lìa bỏ thân mạng, nên không có ý tưởng đói khát, chánh niệm quán sát, tâm yên ổn, không lui sụt.

Vô Minh ấy, làm lạc sanh khởi đủ mọi phiền não, tạo đủ mọi nghiệp, chịu đủ mọi quả báo nên gọi là Sanh Tướng.

Đây là một tiểu đoạn. “*Nhĩ thời*” chỉ cho lúc Thiện Tài đồng tử mới đến đạo tràng của tỳ-kheo Cát Tường Vân. Trong lời chú giải, đại sư Thanh Lương dạy chúng ta đoạn thứ nhất là:

(Sớ) *Y giáo thú cầu.*

(疏) 依教趣求。

(Sớ: *Vâng theo lời dạy, đi tới nơi ấy, tìm cầu*)

Thông thường trong tình huống này, kinh văn thường có đoạn ghi Thiện Tài đồng tử nghĩ đến lời chỉ dạy, dạy bảo của vị thiện tri thức trước, rồi mới đến đoạn này⁷.

(Sớ) *Thú cầu hậu hữu.*

(疏) 趣求後友。

(Sớ: *Đến nơi đó, tìm cầu vị thiện hữu kế tiếp*).

Ở chỗ này, kinh văn thiếu một tiểu đoạn, chỉ có “*thú cầu hậu hữu*”, không có [đoạn sau đây]:

(Sớ) *Niệm tiền hữu giáo.*

(疏) 念前友教。

(Sớ: *Nghĩ đến lời dạy của vị thiện hữu trước*)

Không có phần văn tự này. Ý đại sư cho rằng:

(Sớ) *Kim lược vô sơ nghĩa, hoặc tiền vị nhập vị, cố bất thuyết nhĩ.*

(疏) 今略無初義。或前未入位，故不說耳。

(Sớ: *Nay lược đi vì không có nghĩa trước, hoặc vị thiện tri thức trong phần trước chưa chứng nhập địa vị nên không nói tới*)

Cách giải thích này cũng rất có lý. Giống như đi học, người ấy chẳng hề có học vị. Giống như hiện thời chúng ta đi học, ở Trung Học không có học vị, đến Đại Học mới có học vị. Trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, trong hội Thập Tín không có học vị. Đến Trụ địa (những địa vị thuộc Thập Trụ) mới có địa vị, mới có học vị. Vì thế, không nói tới [pháp của vị thiện tri thức trong phần trước]. Từ đây trở đi, nói chung, kinh văn đều có ý nghĩa này. Thế nhưng chúng ta thấy kinh

⁷ Để minh họa cho ý này, chúng tôi xin trích đoạn kinh văn nói về sự suy giảm của Thiện Tài đồng tử khi già từ tỳ-kheo Cát Tường Vân đến chỗ tỳ-kheo Hải Vân (dẫn theo bản dịch Bát Thập Hoa Nghiêm của Hòa Thượng Trí Tịnh): “*Thiện Tài đồng tử nhất tâm suy giảm lời dạy của thiện tri thức, chánh niệm quán sát trí huệ quang minh môn, Bồ Tát giải thoát môn, Bồ Tát tam-muội môn, Bồ Tát đại hải môn, chư Phật hiện tiền môn, chư Phật phương sở môn, chư Phật quỹ tắc môn, chư Phật đẳng hư không giới môn, chư Phật xuất hiện thứ đệ môn, chư Phật sở nhập Pháp Thân môn*”. Đoạn này được đại sư Thanh Lương gọi là “*niệm tiền hữu giáo*”.

văn đều luôn nói “*Thiện Tài đồng tử tiệm thứ Nam hành*”, phải hiểu rõ ý nghĩa này. Nói “*tiệm thứ Nam hành*” là kinh văn đã nêu chung, qua bản chú giải này, quý vị có thể thấy:

(Sớ) Tổng hiển Gia Hạnh.

(疏)總顯加行。

(Sớ: Điều nhằm chỉ rõ Gia Hạnh)

Phương Nam tượng trưng cho quang minh, trong phần trước, tôi đã thừa với các vị rồi. Vãng theo lời Văn Thù Bồ Tát chỉ dạy, Thiện Tài đi tới nước Thắng Lạc. Nước Thắng Lạc này cũng chẳng phải là thật sự có một nơi như vậy, hoàn toàn nhằm biểu thị pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, ý nghĩa biểu thị pháp hết sức nhiều, rất sâu, rất rộng! Nhất định phải chú tâm thấu hiểu điều này. “*Thắng*” là thù thắng, “*Lạc*” là sung sướng, ngụ ý: Địa vị Sơ Trụ so với hàng Thập Tín Bồ Tát vui sướng thù thắng hơn rất nhiều. Do vậy, gọi là nước Thắng Lạc, ý nghĩa là như vậy đó.

“*Dăng Diệu Phong sơn*” (Lên núi Diệu Phong): Núi này cũng nhằm biểu thị pháp, chứ không nhất định là thật sự có quả núi ấy. Núi có hai ý nghĩa:

1. Ý nghĩa thứ nhất, biểu hiện tịch tĩnh, bất động, ngụ ý: Người tu học khế nhập cảnh giới này, sáu căn tiếp xúc sáu trần bên ngoài có thể “như như bất động”. Tâm vị ấy định như núi, giống như một quả núi, dùng ý nghĩa này.

2. Ý nghĩa thứ hai là núi cao. Ở trên đỉnh núi là lên cao, nhìn ra xa, chỗ rất xa quý vị đều thấy được. Điều này biểu thị chứng đắc địa vị Sơ Trụ, trí huệ mở mang. Phần trên có nói “*mở mang trí huệ trong tự tánh*”. Do vậy, đối với vạn sự, vạn vật, nhất định là người ấy (tức người chứng địa vị Sơ Trụ) quan sát thù thắng hơn Thập Tín Bồ Tát rất nhiều. Do vậy, dùng núi để tỷ dụ, đều là tỷ dụ công đức Định - Huệ của Sơ Trụ Bồ Tát vượt trội hàng Thập Tín Bồ Tát. Thập Tín không có địa vị, nguyên nhân là trong Tín vị (các địa vị thuộc Thập Tín) thường có thoái chuyên, tiến tiến, lùi lùi. Nhập Sơ Trụ sẽ không lùi nữa.

Trong Tịnh Tông chúng ta có nói ba thứ Bất Thoái (Tam Bất Thoái). Nói thật ra, các vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đều chứng đắc ba thứ Bất Thoái này, chứ không chỉ là Vị Bất Thoái! Trong phần trước, chúng tôi đã giải thích rồi, Vị Bất Thoái là tỷ dụ. Chứ trên thực tế, các vị ấy là Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. “*Niệm*” là niệm niệm lưu nhập biển Tát Bà Nhã. Tuy chứng đắc ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa hoàn toàn viên mãn. Quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, ai chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái? Theo cách nói thông thường, sẽ là Pháp Vân Địa Bồ Tát, tức Thập Địa, tức Bồ Tát thuộc về địa vị thứ mười trong Thập Địa, tu trọn ba đại A Tăng Kỳ kiếp, mới gọi là Viên. Từ Cửu Địa đến Thập Địa còn chưa Viên, hãy còn thiếu một phần. Do vậy, viên chứng Tam Bất Thoái là Tịnh Độ. Vãng sanh Tịnh Độ, dầu cho là Hạ Hạ phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Vì thế, quý vị mới biết bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm chẳng thể bằng người vãng sanh Tịnh Độ. Nhất định phải biết điều này, mới thấy rõ Tịnh

Độ thù thắng khôn sánh. Nếu hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này, nói thật ra, điều gì quý vị cũng buông xuống được, suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật là đủ rồi, đâu cần phải lãng xãng nơi bộ kinh Hoa Nghiêm lớn như thế này nữa! Tịnh Độ thật sự thù thắng khôn sánh. Quý vị không đọc Hoa Nghiêm, không biết Niệm Phật thù thắng; đọc Hoa Nghiêm xong mới biết Niệm Phật là thù thắng.

Như vậy là Thiện Tài đến núi này, đến núi Diệu Phong, đến nơi ấy để tìm thiện hữu, tức là đi tìm tỳ-kheo Cát Tường Vân. Ngài tìm suốt bảy ngày, tìm không ra. Tuy bảy ngày không gặp được, Ngài trọn chẳng ngã lòng. “*Vị cần cầu thiện tri thức cố, quyên xả thân mạng, vô cơ khát tương*” (Do vì siêng cầu thiện tri thức, lia bỏ thân mạng, nên không có ý tưởng đói khát). Ba câu này dạy chúng ta thái độ cầu học, phải nên có thái độ đến cầu học như vậy. “*Chánh niệm quán sát, tâm an vô thoái*” (Chánh niệm quán sát, tâm yên ổn, không lui sụt). Chúng ta xem lời giải thích của đại sư Thanh Lương từ trang thứ ba trở đi. Mọi người hãy giở qua, từ trang thứ ba, ta đọc thấy:

(Sớ) Kiến tâm trắc vị, cố viết đăng sơn.

(疏)見心陟位，故曰登山。

(Sớ: Thấy tâm, đạt đến địa vị, nên gọi là “lên núi”).

Ý nghĩa biểu thị thật sự của “*đăng sơn*” không phải là bảo quý vị trèo lên núi. “*Kiến tâm*” là minh tâm kiến tánh như trong nhà Thiền hay nói. Thiền Tông nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”; kiến tánh là thành Phật rồi. Ở chỗ này, chính là Sơ Trụ Bồ Tát, tức Sơ Trụ Bồ Tát đã thành Phật. Đây là chân Phật, không phải là giả Phật, kiến tánh sẽ thành Phật. Trong phẩm Phổ Môn có nói Bồ Tát muốn sang thế giới ở phương khác để giáo hóa chúng sanh, hễ nên dùng thân Phật để độ được, Ngài liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực hiện thân Phật. Quý vị niệm Vô Lượng Thọ Kinh rất thuần thực, trong phẩm thứ hai của Vô Lượng Thọ Kinh, [đoạn nói về] Bồ Tát hoàng nguyện độ sanh, trong các thứ thị hiện, đã nêu ra một thí dụ, tức là “*tám tướng thành đạo*”. “*Tám tướng thành đạo*” là hạng người nào? Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã có năng lực này, có tư cách thị hiện tám tướng thành đạo. Gặp được kẻ có duyên phật, đáng nên dùng thân Phật để độ được, [Bồ Tát] bèn thị hiện tám tướng thành đạo. Đây chính là “*kiến tâm, trắc vị*” (thấy được tâm, đạt đến địa vị), dùng chuyện lên núi để tỷ dụ.

(Sớ) Trí giám vị hạnh, vi biến quán sát.

(疏)智鑒位行，為遍觀察。

(Sớ: Trí soi thấu địa vị và hạnh, đây là “quán sát trọn khắp”).

Ngài ở trên núi, Ngài muốn tìm kiếm thiện tri thức, quán sát bốn phía. Ý nghĩa của chữ “*quán sát*” chính là [vận dụng] trí huệ của Ngài, trí huệ có [khả năng] chiếu soi. Chữ “*kiến*” ở đây có nghĩa là “*chiếu*”, tức “*chiếu kiến*” (soi thấy).

Năm mươi mốt địa vị của Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm đến khi viên mãn thành Phật, Ngài đều thấy rõ ràng, rành mạch. Đây chính là ý nghĩa của chữ “*biến quán sát*”.

(Sớ) *Tình hoài đắc chỉ, danh vi tầm cầu.*

(疏) 情懷得旨，名為尋求。

(Sớ: Lòng mong lãnh hội tông chỉ thì gọi là “tầm cầu”).

Ý nghĩa của việc Ngài tìm cầu thiện tri thức là ở chỗ này. “*Chỉ*” (旨) là tông chỉ. Tông chỉ là Tánh Đức, trong Tánh Đức sẵn có đức năng, trí huệ. Do đây biết rằng: Phật pháp xung là nội học, “*nội*” là hướng đến tự tánh để tìm cầu, chứ không bảo quý vị cầu pháp ngoài tâm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật gọi “cầu pháp ngoài tâm” là ngoại đạo. Vì thế, chữ “*ngoại đạo*” không phải là khinh thường người khác, cũng không phải là chửi người ta. Ngoại đạo là cầu pháp ở ngoài tâm thì gọi là ngoại đạo; mang ý nghĩa phân biệt với nội học. Từ Sơ Trụ trở đi đều là tìm cầu trong tâm tánh, tuyệt đối chẳng phải là tìm cầu nơi cảnh giới, không thể được! Tiếp xúc cảnh giới thì sẽ từ nơi cảnh giới mà quay đầu, cầu nơi tự tánh. Giống như trong hội Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát đã dạy chúng ta, Ngài bảo phương pháp tu hành của Ngài là “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (Xoay cái Nghe trở lại nghe nơi tự tánh, tánh trở thành vô thượng đạo). Bồ Tát mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn đều đụng chạm cảnh giới bên ngoài, nhưng Ngài dụng tâm, Ngài trông thấy bên ngoài, bèn có thể hồi quang phản chiếu, Ngài có thể quay về nơi tự tánh. Đây là công phu tuyệt vời của Ngài. Ngài chẳng nắm níu cảnh bên ngoài, Ngài hướng vào bên trong để quán chiếu. Quán Thế Âm Bồ Tát tu hành thành tựu là do dùng phương pháp này, “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*”. “*Tầm cầu*” có nghĩa là “lòng mong lãnh hội được tông chỉ”.

(Sớ) *Thất Giác Trợ đạo, vân kinh thất nhật.*

(疏) 七覺助道，云經七日。

(Sớ: Thất Giác Trợ đạo gọi là “qua bảy ngày”)

Trải qua bảy ngày, Ngài không thấy được [vị thiện tri thức]. Con số bảy ấy biểu thị Thất Giác Chi trong ba mươi bảy đạo phẩm. Nói chung, ba mươi bảy đạo phẩm được chia thành bảy khoa, tức là bảy loại lớn. Ở đây là loại thứ sáu, tức là Thất Bồ Đề Phần. Loại thứ tám là Bát Thánh Đạo. Ở đây, bảy ngày tượng trưng cho Thất Giác Chi. Thất Giác Chi trợ đạo nên nói là “*bảy ngày*”.

(Sớ) *Pháp vô sở đắc, vi cánh bất kiến.*

(疏) 法無所得，為竟不見。

(Sớ: Không có pháp nào để đắc, là “trọn chẳng thấy”)

Thấy được hay không? Quyết định không thấy được. Nếu thấy được thì đâu phải là tâm tánh! Tâm tánh không có dấu vết, hình tượng. Không thấy chính là

chân chánh thấy được. Nếu quý vị thật sự có thấy, quý vị đã sai mất rồi. “*Không có pháp nào để được*” thì gọi là “*chẳng thấy*”.

(Sớ) *Yếu tu vong hoài, vi tuyệt chư tướng.*

(疏)要須忘懷，為絕諸想。

(Sớ: Cần phải bỏ những điều ôm giữ là “dứt tuyệt các điều suy tưởng”)

Từ đây trở đi, [kinh văn] đều dạy chúng ta về phương pháp dụng công. Bởi vậy, đọc Hoa Nghiêm hết sức khó khăn; nếu chẳng hiểu được những nghĩa bao hàm trong ấy, tức là như người ta thường nói [nghe được] “*âm thanh nằm ngoài dây đàn*”, quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm như đọc tiểu thuyết hoặc đọc chuyện cổ tích, tưởng là Thiện Tài đồng tử thật sự trèo lên núi tìm kiếm thiện tri thức. Đâu biết rằng trong từng câu từng chữ đều chứa đựng nhiều ý nghĩa trong ấy, làm sao quý vị hiểu được? Bởi vậy, kinh Hoa Nghiêm khó khăn là ở chỗ này. “*Nếu không có ai giảng Phật pháp, đâu có trí vẫn chẳng thể hiểu được*”. Quý vị đã hiểu làm ý nghĩa, thuận theo vọng tưởng của chính mình để suy tưởng kinh văn, hoàn toàn làm mất rồi!

(Sớ) *Tịch bất thất chiếu, vi chánh quán sát.*

(疏)寂不失照，為正觀察。

(Sớ: Vắng lặng nhưng chẳng mất công năng quán chiếu, đây là quán sát đúng đắn).

Điều này rất quan trọng, chúng ta đang là phạm phu không làm được. Chúng ta có Tĩnh liền không có Chiếu, hề Chiếu bèn chẳng Tĩnh, rất ít người thực hiện được “*Tịch - Chiếu đồng thời*”. Tĩnh là gì? Tĩnh là tâm thanh tịnh. Chiếu là hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thấy mọi cảnh giới. Tĩnh Chiếu phải đồng thời, Tĩnh mà thường Chiếu, Chiếu nhưng thường Tĩnh. Cảnh giới của bậc Bồ Tát trong Viên Giáo từ Sơ Trụ trở lên là lục căn của họ tiếp xúc cảnh giới sáu trần nhưng Tĩnh Chiếu đồng thời. Họ thấy rõ ràng rành mạch, nhưng trong tâm như như bất động; như như bất động là Tĩnh, rõ ràng rành mạch là Chiếu. Đây gọi là “*Tịch Chiếu đẳng trì*” (giữ cân bằng Tĩnh và Chiếu). Tĩnh là Định, Chiếu là Huệ, Định - Huệ đồng thời, đây mới là dụng tâm của chư Phật, Bồ Tát.

(Sớ) *Hy ly khinh mao, tâm an bất động.*

(疏)希離輕毛，心安不動。

(Sớ: Rời bỏ hết thấy những mong mỏi, xem nhẹ như sợi lông, tâm sẽ an ổn, bất động)

Ở đây, “*khinh mao*” là nói tỷ dụ. “*Ly*” là lìa hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì tâm quý vị mới an, quý vị mới bất động. Bất động thì Tĩnh Chiếu mới có thể hiện tiền. “*Khinh mao*” (Sợi lông nhẹ tênh) là tỷ dụ hết thấy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian chẳng đáng để vương mắc, chẳng đáng để lưu luyến,

chẳng đáng để chấp trước, hãy buông xuống hết thảy! Buông xuống thì tâm quý vị mới an, quý vị mới có thể chứng được cảnh giới “*tâm an, bất động*”. Khi ấy, chân tâm sẽ hiện tiền. Đại sư Thanh Lương giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa ẩn chứa trong đoạn kinh văn này. Ấy chính là ý nằm ngoài lời, đây là chỗ khó khăn trong Phật pháp, đặc biệt là kinh Đại Thừa. Nếu hiểu ý nghĩa theo lời văn là hỏng rồi. Cổ nhân thường nói: “*Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan*”; ba đời chư Phật đều kêu oan uổng, ý Phật không phải là như vậy, quý vị hoàn toàn hiểu lầm mất rồi!

Trong đoạn kinh văn tiếp theo đó, đại sư đặc biệt nói rõ cho chúng ta biết nguyên tắc giải thích kinh điển:

(Sớ) *Nhiên tiên đức thích kinh, thông hữu tứ lệ.*

(疏) 然先德釋經，通有四例。

(Sớ: *Nhưng cổ đức giải thích kinh điển, thường theo bốn lối.*)

“*Tiên đức*” là bậc tiền bối. Cổ nhân giải thích kinh điển thông thường có bốn phương cách, cũng có bốn nguyên tắc.

(Sớ) *Nhất tùy tướng tiêu văn, nhị dĩ giáo giản biệt, tam bốn tích dung hội, tứ quán tâm hư cầu. Nhất văn, nhất nghĩa, vãng bất giai nhĩ.*

(疏) 一隨相消文。二以教揀別。三本跡融會。四觀心虛求。一文一義，罔不皆爾。

(Sớ: *Một là dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa, hai là dùng giáo để phân biệt, chọn lựa, ba là dung hội giữa Bốn và Tích, bốn là quán tâm, chẳng có lòng mong cầu. Mỗi một chữ, mỗi một nghĩa, không gì chẳng đều là như vậy.*)

“*Nhất văn*” là một chữ, mỗi một chữ, mỗi một câu đều dùng bốn phương pháp này để giải thích. Bọn phàm phu chúng ta thường chỉ có một loại đầu là “*tùy tướng tiêu văn*”, những loại sau đều không có. “*Tùy tướng tiêu văn*” là dựa theo văn tự để hiểu nghĩa. Cách này dễ nói, rất nông cạn, nói như thế, mọi người đều rất dễ hiểu, không có vấn đề gì! Bốn nguyên tắc giải thích kinh văn này được vận dụng rất sống động, trọn chẳng phải là chấp chặt, hẹp hòi. Phải thấy được nghĩa thú của kinh văn, có những phần kinh văn rất sâu, có phần trọn chẳng có ý nghĩa sâu xa gì, chứ không phải là câu nào cũng đều có ý nghĩa sâu xa. Do vậy, trong văn tự ấy có Khách, có Chủ. Phần ý nghĩa được chứa đựng trong phần Chủ rất sâu, phần Khách là kèm thêm, nông cạn hơn. Vì thế, vận dụng những nguyên tắc này phải biết lấy và bỏ.

(Sớ) *Kim thông dụng chi, tùy tiện thủ xả, khoan văn dụng sơ nghĩa.*

(疏) 今通用之，隨便取捨。寬文用初義。

(Sớ: *Nay đều áp dụng cả bốn cách ấy, tùy tiện lấy hay bỏ, đối với phần kinh văn giải nói rộng rãi thì áp dụng nghĩa thứ nhất.*)

Chữ “*khoan*” ở đây là đối với phần văn tự nhằm giải thích thì sử dụng ý nghĩa thứ nhất tức là giải thích rộng rãi ý nghĩa.

(Sớ) Nghĩa hàm dụng đệ nhị.

(疏)義含用第二。

(Sớ: Với những phần kinh văn chứa đựng nhiều ý nghĩa thì dùng cách thứ hai).

Trong phần này chứa đựng nhiều ý nghĩa rất sâu, vậy thì phải dùng Giáo để phân biệt, chọn lựa. Trong Giáo có Lý, Hạnh, Quả. Giáo tương của Phật có bốn loại: Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Giáo là ngôn ngữ, văn tự. Trong ngôn ngữ, văn tự có nói đến đạo lý, có lý luận, trừ lý luận ra, còn có phương pháp tu hành. Chiếu theo phương pháp ấy để tu hành, sẽ có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, sẽ chứng quả. Do vậy, dùng phương pháp ấy để nói rõ những ý nghĩa được chứa đựng trong đoạn kinh văn ấy.

(Sớ) Ý lạm dụng đệ tam.

(疏)意濫用第三。

(Sớ: Ý nghĩa mênh mông quá thì dùng cách thứ ba).

Chữ “*lạm*” ở đây là nói nhiều. [Nếu kinh văn] lạm ý nghĩa quá, rộng quá, thì dùng cách thứ ba, tức là dùng cách dung hội Bản và Tích. Giống như kinh Pháp Hoa có nhiều đoạn giống như vậy nhất, mỗi một chữ, mỗi một câu không chỉ có một ý nghĩa, mà còn chứa đựng rất nhiều ý nghĩa, vậy thì phải áp dụng nguyên tắc thứ ba. Ý nghĩa thứ tư là:

(Sớ) Tự lạm sư tâm.

(疏)似濫師心。

(Sớ: Dường như có ý kiến vượt trội hơn thầy)

Đây là ý nghĩa thứ tư. Chúng ta không thể học theo nguyên tắc thứ tư được. Vì sao vậy? Nếu chúng ta học theo sẽ đổ bệnh, nhất định sẽ giảng sai kinh! Nói thật ra, ngày nay chúng ta giảng kinh chỉ có thể dùng được hai cách đầu thì đã coi như là khá lắm rồi, quý vị đã là một kẻ giỏi giảng rồi đấy! Đối với hai điều sau, nếu chính mình chưa chứng nhập cảnh giới, chắc chắn là sẽ không thể làm được. Đặc biệt là điều cuối cùng, điều cuối cùng giống như cách “phát huy nghị luận” mà hiện thời chúng ta thường nói. “*Phát huy nghị luận*” là gì? Là ý kiến của chính mình, kiến giải độc đáo của chính mình. Kiến giải ấy của quý vị có phải là kiến giải của Phật hay chăng, hay vẫn là ý kiến của chính quý vị? Nếu đúng ý Phật thì không sao! Quý vị giảng kinh sẽ không giảng trật. Nếu là ý kiến của chính quý vị, quý vị đã giảng kinh trật mất rồi, phải gánh chịu trách nhiệm nhân quả đấy nhé!

“*Tự lạm sư tâm*” là tâm [có những kiến giải, suy nghĩ] vượt ra ngoài [những điều đã được nói rõ trong] pháp của thầy, điều này chỉ có bậc đại Bồ Tát mới có thể làm được! Chẳng hạn như trong bộ Đại Trí Độ Luận của Long Thọ Bồ Tát, Ngài phát huy rất nhiều điều, những điều được Ngài phát huy quả thật là ý Phật, không sai chạy! Trong bộ Du Già Sư Địa Luận của Di Lặc Bồ Tát, cũng có rất nhiều điều được phát huy. Ngài Di Lặc là Đẳng Giác Bồ Tát, những điều Ngài nói ra quả thật là ý Phật; cho nên chú giải của Ngài được gọi là Luận. Nếu chẳng phải là địa vị như vậy, phát huy nghị luận phải hết sức chú tâm cẩn thận, chỉ sợ trái nghịch ý nghĩa kinh điển, trái nghịch ý Phật, phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả quá to!

(Sớ) Đắc thử nhất môn, phi số tha bảo.

(疏)得此一門，非數他寶。

(Sớ: Đạt được một môn này, sẽ không đếm vật báu của người khác).

Nếu quý vị đạt được ý nghĩa thứ tư này, quý vị đã minh tâm kiến tánh rồi. Do vậy, kiến giải của quý vị rất gần với kiến giải của Phật, rất tương tự, những gì quý vị nói sẽ là tự tánh Hoa Nghiêm, những gì quý vị giảng sẽ là tự tánh Hoa Nghiêm, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Hoa Nghiêm không hai, không khác. Do vậy, sẽ “*không đếm vật báu của người khác*” nữa. Thế nhưng, điều này nhất định là phải kiến tánh rồi thì mới có thể làm được. Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, trong kinh, đức Phật đã từng thọ ký cho Ngài. Di Lặc Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, đương nhiên không có vấn đề gì! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý điều này. Nếu chưa chứng được địa vị ấy, tâm chúng ta vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nếu muốn học theo cách hành trì ấy của hàng Bồ Tát, sẽ không thể nào chẳng tạo nghiệp được. Đoạn tiếp theo viết:

(Sớ) Thác sự hiển pháp, kinh văn thậm đa, khinh thử nhất môn, giải thoát du viễn.

(疏)託事顯法，經文甚多，輕此一門，解脫逾遠。

(Sớ: Nhờ vào sự để làm rõ pháp, có rất nhiều đoạn kinh văn như vậy. Coi thường một môn này thì sự giải thoát sẽ càng xa)

Câu này nhằm bảo với chúng ta: Đối với bộ kinh này, điều cần phải lưu ý là hết thảy những sự được nói tới trong bộ kinh này đều nhằm giảng Phật pháp, đều nhằm hiển thị vô thượng diệu pháp. Trong kinh văn, quả thật có rất nhiều [chỗ như vậy], chúng ta phải chú ý. Nếu không chú ý, chúng ta sẽ chẳng đạt được lợi ích, công đức, quý vị sẽ càng ngày càng cách xa đạo giải thoát. Nếu quý vị thấu hiểu được, khế nhập được, chắc chắn kinh này sẽ ban cho quý vị pháp hỷ sung mãn.

(Sớ) Cố hạ thích hữu y chánh đẳng pháp, đa dụng thử môn. Nhược ước sự tướng, tướng đa dị liễu.

(疏)故下釋友依正等法，多用此門。若約事相，相多易了。

(Sớ: Vì thế trong phần tiếp theo, khi giải thích những pháp như y báo, chánh báo của các vị thiện hữu, phần nhiều áp dụng môn này. Nếu noi theo sự tương thì tương nhiều sẽ dễ hiểu).

Do vậy, đại sư Thanh Lương chú giải bộ kinh này, đặc biệt chú trọng khía cạnh này. Nếu như trong kinh vẫn có những sự tương, mọi người vừa đọc liền hiểu rõ, chẳng cần phải giải thích chi nữa! Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo:

(Kinh) *Quá thất nhật dĩ, kiến bỉ tỳ-kheo tại biệt sơn thượng, từ bộ kinh hành.*

(經)過七日已，見彼比丘在別山上，徐步經行。

(Kinh: Sau bảy ngày, thấy vị tỳ-kheo ấy ở trên ngọn núi khác, đi kinh hành thông thả).

Qua bảy ngày rồi mới thấy được, Thiện Tài đồng tử thấy được thiện tri thức. Thấy thiện tri thức không ở trên núi này mà ở trên đỉnh núi khác, thấy vị ấy đi kinh hành thông thả ở nơi đó. “*Từ bộ*” là tản bộ, đi chậm chậm, giống như khi chúng ta niệm Phật, nhiều Phật. Nhiều Phật chính là “*từ bộ kinh hành*”. Nói thật ra, Ngài thật sự đang niệm Phật. Xem ra kinh văn rất dễ hiểu; chúng ta đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương càng khó hiểu, càng xem càng thấy khó. Lời chú giải ấy mới thật sự có ý vị. Xin hãy đọc đoạn chú giải thứ nhất. Đây là đoạn thứ hai trong sáu đoạn lớn; đoạn thứ hai là:

(Sớ) *Kiến kính, tứ vấn.*

(疏)見敬諮問。

(Sớ: *Trông thấy, lễ kính, xin thưa hỏi.*)

Trong đoạn thứ hai có ba chuyện. Từ chữ “*qua bảy ngày*” trở đi, đoạn kinh văn này là “*kiến kính tứ vấn*”. Ở nơi đây lại chia thành ba đoạn nhỏ.

(Sớ) *Sơ kiến, thứ kính.*

(疏)初見。次敬。

(Sớ: *Thoạt đầu là thấy, kế tiếp là kính.*)

Đoạn thứ hai là kính, đoạn thứ ba là Ngài (tức Thiện Tài đồng tử) muốn nêu ra câu hỏi.

(Sớ) *Hạ đa lệ thứ.*

(疏)下多例此。

(Sớ: *Những phần sau đa số theo lệ này.*)

Từ đây trở đi, đa số những phần kinh văn nói về thiện hữu đều được chia đoạn theo cách này, nay giảng đoạn thứ nhất: Sau bảy ngày.

(Sớ) Ly Thất Giác tướng.

(疏)離七覺相。

(Sớ:Lià tướng trạng của Thất Giác Chi).

Ở đây, chúng tôi giảng đơn giản về Thất Giác. Những vị đồng tu lâu năm ắt sẽ đều rất quen thuộc [khái niệm] này, nó chính là Thất Giác Chi trong ba mươi bảy Đạo Phẩm.

1) Thứ nhất là Trạch Pháp, Trạch (擇) là chọn lựa. [Trạch Pháp] là chọn lựa pháp môn, phải chọn lựa pháp thích hợp với căn tánh của chính mình, thích hợp với trình độ của chính mình, thích hợp với hoàn cảnh sống của chính mình. Quý vị chọn lựa pháp môn như thế để tu học, sẽ cảm thấy rất dễ dàng. Nếu chọn lựa pháp môn không hợp với trình độ của chính mình, gây trở ngại cho cuộc sống của chính mình, quý vị tu học rất khó khăn, không dễ dàng. Do vậy, điều thứ nhất là Trạch Pháp.

2) Điều thứ hai là phải tinh tấn. Sau khi chọn lựa, quý vị thâm nhập một môn. “*Tinh*” là tinh thuần không tạp, “*Tấn*” là tiến lên không lùi.

3) Điều thứ ba là Hỷ Giác Chi, tức là pháp hỷ sung mãn. Quý vị tu học vui sướng, chẳng cảm thấy “ta học Phật khổ quá chừng!” “Học khổ quá” tức là quý vị học sai mất rồi! Người học Phật nhất định học rất sung sướng, như vậy là đúng pháp, công phu đắc lực!

4) Điều thứ tư là Khinh An. Khinh An nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ tinh thần và thể lực của quý vị, nhất định quý vị cảm thấy được điều tốt đẹp này. Điều này giống như điều được con người hiện nay gọi là “*cải biến thể chất*”. Nếu học Phật công phu đắc lực, dung mạo sẽ biến đổi, thể chất cũng biến đổi. Những kẻ coi tướng, tiên đoán số mạng, đều hiểu chuyện “*tướng chuyển theo tâm*”. Tâm người ấy thanh tịnh, mỗi ngày càng thanh tịnh hơn, phiền não nhẹ dần, phiền não ít đi. Phiền não nhiều, người ấy tỏ ra nặng nề, vụng về, chuyện gì cũng đều thấy rất nặng nề, vụng về, trong tâm dường như chịu áp lực nặng nề, cảm thấy rất nặng gánh. Thân thể cũng giống như thế, hành động rất vụng về, nặng nề! Nếu như công phu đắc lực, trong tâm ít phiền não. Phiền não ít thì lo âu ít, vọng niệm ít, tâm người ấy cũng thanh tịnh. Khi đó, tâm thanh tịnh, thân cũng nhẹ nhàng, đi đứng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn khác hẳn, quả thật là khác biệt. Vì vậy, Khinh An nói theo cách hiện thời là “*cải biến thể chất*”, thay đổi dung mạo. Dung mạo là tướng chuyển theo tâm, càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng từ bi.

5) Điều thứ năm và điều thứ sáu là vấn đề công phu. Điều thứ năm là Niệm, điều thứ sáu là Định. Đây là nói về công phu.

Điều thứ bảy nói tới Hành Xả. Hành Xả là buông xuống. Có thể nói là Bỏ Tắt đạo từ Sơ Phát Tâm cho đến tận địa vị Như Lai không có gì khác cả, đều phải buông xuống, phải bỏ được!

Đây là Thất Giác Chi, ở đây tôi chỉ nói đại ý.

“*Ly Thất Giác tướng*”, Ngài có tu Thất Giác hay không? Ngài có tu; tuy tu, nhưng đã không còn chấp vào tướng tu hành. Chúng ta gọi là “*tu mà vô tu, vô tu mà tu*”. “*Vô tu*” không phải là chẳng tu gì hết, Ngài thật sự tu. Tuy tu, nhưng không chấp tướng; cho nên nói: Vô tu và tu đồng thời, không có trước - sau, không có sai biệt, chúng đồng thời viên mãn. Đây gọi là “*lìa tướng trạng Thất Giác là qua bảy ngày*”. Từ ngữ “*qua bảy ngày*” nhằm biểu thị ý nghĩa này!

(Sớ) Vong sở trụ vị, phương vi đắc chỉ.

(疏)忘所住位，方為得旨。

(Sớ: Quên địa vị đã trụ thì mới là đạt được tông chỉ).

Ngài hiện đang là Sơ Trụ Bồ Tát, nếu tự mình cảm thấy “nay ta đã đắc Sơ Trụ Bồ Tát”, quý vị nghĩ xem, vị ấy đã chứng được Sơ Trụ hay chưa? Chưa chứng được, vẫn là phàm phu! Vì sao là phàm phu? Vì vị ấy vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Chứng được địa vị ấy rồi thì cũng quên sự chứng đắc ấy luôn, cũng có nghĩa là những phân biệt, chấp trước ấy đều không còn nữa. Nói vị ấy là Sơ Trụ Bồ Tát là do người khác nói, chứ tự vị ấy không hề bảo mình là Sơ Trụ Bồ Tát. Trong tương lai, vị ấy chứng nhập Sơ Địa Bồ Tát, chính vị ấy cũng trọn chẳng hề cảm thấy chính mình là Sơ Địa Bồ Tát. Thành Phật rồi, vị ấy cũng chẳng cảm thấy chính mình là Phật. Nếu vị ấy cảm thấy “chính mình đã thành Phật”, thưa cùng quý vị, vị ấy chẳng khác gì chúng ta cả, vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Do vậy, từ đây trở đi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều hoàn toàn lìa bỏ, không giống như những người trong mười pháp giới. Trong mười pháp giới, vẫn còn có phân biệt.

(Sớ) Vong sở trụ vị.

(疏)忘所住位。

(Sớ: Quên địa vị đã trụ).

Tâm Ngài thật sự thanh tịnh thì mới gọi là “*đắc chỉ*”. “*Chỉ*” ở đây là tự tánh công đức, [tâm thật sự thanh tịnh] thì điều này mới hiện tiền. Hễ có một chút xíu phân biệt, chấp trước thì tự tánh bị chướng ngại, chẳng thể hiện tiền được! Đại Thừa Bồ Tát tu hành không có gì khác cả, chỉ là tu điều này. Vậy thì chúng ta đọc kinh này, cảm thấy hết sức hồ thẹn. Chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vẫn phân biệt, chấp trước. Không chỉ là phân biệt, chấp trước, mà còn nghiêm trọng nữa, ngày nào mới thành tựu được đây? Chúng ta nhất định phải cảnh giác điều này. Nói cách khác, tuy chúng ta chưa đạt đến cảnh giới Bồ Tát thì tối thiểu cũng phải là điều gì có thể không phân biệt thì đừng phân biệt nữa, điều gì có thể không chấp trước thì đừng chấp trước nữa. Những gì có thể không phân biệt, không chấp trước? Chuyện của người khác! Chuyện của người khác mà chúng ta cũng phân biệt, chấp trước, quý vị chẳng kêu oan uổng hay sao? Phân biệt, chấp trước chuyện của chính mình thì còn tha thứ được, chứ chuyện của người ta không ăn nhập gì đến mình mà ta cũng phân biệt, chấp trước, làm lẫn quá lớn rồi! Trước hết, phải học đừng bận tâm đến những chuyện thừa

thãi, tức những chuyện của người ta không liên can đến mình, hãy học từ chỗ này. Dần dần sẽ làm cho cái tâm của ta thanh tịnh, an định, quyết định sẽ có ích, có chỗ tốt đẹp cho sự tu hành của chúng ta. Tiếp theo là:

(Sớ) Cố kiến tại biệt sơn, kiến tức Định Huệ song lưu.

(疏)故見在別山。見即定慧雙流。

(Sớ: Cho nên thấy ở ngọn núi khác, “thấy” chính là Định và Huệ cùng lưu xuất).

Bình đẳng gìn giữ Định lẫn Huệ!

(Sớ) Vi kinh hành từ bộ.

(疏)為經行徐步。

(Sớ: Là đi kinh hành từ từ).

Dùng từ ngữ “*kinh hành từ bộ*” để hình dung. Phần tiếp theo nói với chúng ta:

(Sớ) Từ tức thị Chỉ, bất trụ loạn tưởng.

(疏)徐即是止，不住亂想。

(Sớ: Từ chính là Chỉ, chẳng trụ trong loạn tưởng).

Đây chính là lìa phân biệt, chấp trước. Dùng chữ “*từ bộ*” để tỷ dụ sự lìa phân biệt, chấp trước.

(Sớ) Hành tức thị Quán, bất trụ tĩnh tâm.

(疏)行即是觀，不住靜心。

(Sớ: Hành chính là Quán, chẳng trụ vào tâm vắng lặng).

Nếu quý vị trụ vào cái tâm vắng lặng, trụ vào cảnh giới thanh tịnh, quý vị lại làm mất rồi, quý vị biến thành A La Hán, Bích Chi Phật, biến thành Tiểu Thừa! Hai bên đều chẳng trụ! Từ nay trở đi, đây là cơ sở tu hành của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Phần tiếp theo là:

(Sớ) Nhược ước sự tướng, tức chánh tu tập Ban Châu tam-muội.

(疏)若約事相，即正修習般舟三昧。

(Sớ: Nếu ước theo sự tướng, chính là đang tu tập Ban Châu tam-muội)

Tu tập điều gì? Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu tập điều gì? Từ kinh văn, chúng ta không thấy được, chúng ta thấy không ra. Tới khi tổ sư giảng giải, chúng ta hiểu rõ. Ngài đi kinh hành thông thả, chính là đang tu tập Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là gì? Người niệm Phật chúng ta phải biết! Ban Châu (Pratyutpanna) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán có nghĩa là “*Phật lập*” (佛立)。

Lập (立) là chữ Lập trong kiến lập (建立), Phật lập (kiến lập ngôi vị Phật). Trong đây, có ba ý nghĩa:

- Thứ nhất là oai lực của Phật. Nói thật ra là sức bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật, mà cũng là oai lực của mười phương hết thầy chư Phật Như Lai đều cùng gia trì quý vị.

- Thứ hai là tam-muội lực, tam-muội là sức mạnh của pháp quý vị đang tu.

- Thứ ba sức công đức của chính người tu hành.

Ba thứ sức này kết hợp lại thì gọi là Ban Châu Tam Muội, là một trong bốn thứ tam-muội.

Trong những kinh giảng [tam-muội này] rất rõ ràng thì có Ban Châu Tam Muội Kinh. Người tu loại tam-muội này có thể thấy được chư Phật hiện tiền. Thế nhưng, nghi quỹ tu hành rất nghiêm ngặt, lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn, đây là một giai đoạn. Ba tháng chín mươi ngày là một giai đoạn. Trong chín mươi ngày đó, thân thường đi, không nghỉ ngơi. Đây là [lý do vì sao] tỳ-kheo Cát Tường Vân thường đi kinh hành thông thả. Trong chín mươi ngày ấy, quý vị chẳng được nằm xuống để ngủ nghỉ, quý vị cũng chẳng thể ngồi xuống nghỉ, mà phải đi kinh hành, đi kinh hành thông thả. Trong chín mươi ngày thân thường đi, không nghỉ ngơi. Miệng thì sao? Niệm A Di Đà Phật. Trong chín mươi ngày niệm A Di Đà Phật, không nghỉ ngơi. Trong tâm quán tưởng A Di Đà Phật, trong tâm tưởng Phật không nghỉ ngơi. Đây là phương pháp tu hành Ban Châu tam-muội, một kỳ là chín mươi ngày.

Thời cổ, có người tu Ban Châu tam-muội, chứ con người hiện thời sợ rằng không ai có được thể lực ấy. Dù có cơ hội này, thân thể quý vị duy trì không được, đây là sự thật. Do đây biết rằng Ban Châu là chuyên môn niệm A Di Đà Phật; bởi lẽ, công đức niệm A Di Đà Phật giống hết như công đức niệm mười phương hết thầy chư Phật. Ban Châu tam-muội lấy niệm A Di Đà Phật làm chủ, từng bước, từng tiếng, tâm tâm niệm niệm đều hệ niệm nơi A Di Đà Phật. Trong số những vị cổ đức, cũng có vị chú giải Ban Châu Tam Muội Kinh. Trong chú giải cũng có nói, giải thích ý nghĩa từ ngữ “*Ban Châu tam-muội*”. Trong chú giải cũng dịch [Ban Châu] là “*thường hành đạo*” (thường đi kinh hành), thường đi không ngừng. Vị ấy không nằm xuống, cũng chẳng ngồi xuống. Thế nhưng, trong lời chú giải đã nêu ra cho chúng ta một nguyên tắc rất trọng yếu: Thời gian gồm bảy ngày. Trong kinh nói lấy chín mươi ngày làm hạn. Bảy ngày dễ thực hiện hơn nhiều. Trong bảy ngày, chắc chắn phải chiếu theo cách này [để tu tập].

Trong bảy ngày ấy, không ngủ suốt bảy ngày sợ là rất khó thể làm được, chín mươi ngày sẽ làm không được. Có người kể với tôi người ấy tu Ban Châu tam-muội, bề quan tu Ban Châu tam-muội, tôi không tin. Quý vị rất tin tưởng, rất tán thán, chứ tôi không tin. Người ấy nói với tôi, tôi tuyệt đối không tin tưởng. Đừng nói là người ấy kể với tôi là tu chín mươi ngày tôi sẽ không tin, dẫu bảo với tôi là tu bảy ngày, tôi vẫn không tin. Vì sao vậy? Tu rồi mà tôi thấy quý vị không thay đổi chi cả, vẫn là vọng tưởng cả đống, vẫn là thị phi, nhân ngã, không giống như vậy! Dẫu trong chín mươi ngày quý vị thật sự tu đúng như pháp, nhưng khi quý vị tu không có thành tích, trên bảng thành tích của quý vị là con số không thì có ích gì đâu? Sau khi tu pháp này, hễ tu thật sự thì khí chất của con người sẽ biến

đôi, khác hẳn! Do vậy, chúng ta hiểu cách nói bảy ngày của cổ đức nếu nhìn theo căn tánh của lũ chúng sanh chúng ta trong thời đại này, quả thật là làm không được! Chúng ta nghiệp chướng nặng quá, không có tinh thần ấy, không có thể lực ấy!

Đã có thể nói là bảy ngày thì chúng ta cũng có thể rút gọn thành một ngày; một ngày trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ vẫn không đơn giản đâu nhé! Nếu trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ có thể làm như vậy, hết sức khó có! Nói thật ra, sợ rằng vẫn chưa làm được! Đúng là trong một vạn người, khó có được một hai người! Quý vị có thể làm được trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ; trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ tản bộ, niệm Phật, trong tâm tưởng Phật, không có tạp niệm, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ, không dễ dàng đâu nhé! Đây là thật sự tu tập Ban Châu tam-muội. Những người như vậy không có vấn đề gì, họ là Bồ Tát minh tâm kiến tánh, bất luận làm gì đều không chán mỏi, cho nên họ có thể làm được. Do đây biết rằng: Khi nào mới có thể tu phép Ban Châu tam-muội như đức Phật đã dạy? Đợi đến khi chúng ta chúng tới Sơ Trụ Bồ Tát, khi ấy, quý vị niệm Phật sẽ là Ban Châu tam-muội niệm Phật, chứ không phải là niệm Phật bình thường!

Trong các vị tổ sư đại đức thuở trước, đại sư Hành Sách cũng là tổ sư Tịnh Độ của chúng ta. Trong quá khứ, tôi từng nghĩ tới một phương pháp Niệm Phật. Tôi có ý niệm này rất sớm, Niệm Phật Đường chuyên môn niệm Phật, bởi lẽ [tìm được] những đồng tham đạo hữu chân chánh cũng chẳng dễ dàng cho lắm! Nhất là những vị sống trong đạo tràng hiện thời không nhiều, chẳng giống như trong tông lâm tự viện thuở trước, có mấy trăm vị xuất gia ở trong ấy, thậm chí một hai ngàn vị xuất gia, thực hiện chuyện này dễ dàng, đông người dễ thực hiện. Hiện thời, số người trụ trong đạo tràng rất ít, đều là trụ mấy vị; do vậy, suất lãnh đại chúng cũng khá khó khăn. May sao hiện nay đã phát minh ra máy Niệm Phật, tốt lắm, phát minh ra máy Niệm Phật quá hay! Nếu chúng ta đem thu một cuốn băng mới cho máy Niệm Phật, âm thanh hiện thời của máy Niệm Phật này có chỗ lờ mờ không rõ ràng, bốn chữ A Di Đà Phật niệm không rõ. Hơn nữa, tiếng dẫn khánh nhất định phải gõ ở chữ Đà. Hiện thời, trong đạo tràng chúng ta, mọi người đều gõ khánh đúng nhịp. A Di **Đà** Phật, dẫn khánh gõ đúng vào chữ Đà, chỉ đánh một tiếng dẫn khánh [cho mỗi câu niệm] là được rồi!

Chúng ta có thể thu băng ghi âm khác cho máy Niệm Phật rồi chế ra máy Niệm Phật mới để cung cấp cho Niệm Phật Đường chuyên sử dụng. Như vậy thì trong Niệm Phật Đường chẳng cần phải có người xướng giọng lãnh chúng, cũng chẳng cần phải có người gõ dẫn khánh. Những âm thanh ấy máy Niệm Phật đều có, không cần phải gõ, có thể bớt được rất nhiều chuyện. Mà người niệm Phật nhiều hay ít đều không sao cả, dăm ba người đều có thể niệm Phật. Khi ấy, tôi nghĩ nếu dùng máy Niệm Phật thì không cần những người lãnh chúng; nhưng tới Niệm Phật Đường chẳng được nói năng, hết thấy đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Trong Niệm Phật Đường, chia thành ba khu, khu chính giữa có tượng Phật để lễ Phật, hai bên dành cho chỉ tịnh. Tức là khi quý vị niệm đã mệt rồi, quý vị có thể đến đó ngồi xuống. Ngồi xuống không cần phải niệm ra tiếng, niệm thầm trong tâm là được rồi, cốt để dưỡng sức. Ngoài ra thì có lúc nhiều Phật, đi kinh

hành. Kinh hành, nhiều Phật thì phải niệm ra tiếng. Nhiều Phật phải niệm ra tiếng, chỉ tịnh thì không niệm ra tiếng. Lễ Phật chớ nên niệm ra tiếng, lễ Phật niệm ra tiếng sẽ gây tổn thương cho thân thể. Vì thế, khi lễ Phật, niệm Phật trong tâm là được rồi! Một Phật đừng chia thành ba khu, quý vị thích nhiều Phật thì nhiều Phật, quý vị thích lễ Phật thì lễ Phật. Lễ một rồi liền vui vẻ sang bên cạnh ngồi xuống, quý vị ngồi xuống, không ai cấm quý vị hết!

Trong quá khứ, tôi từng nhắc đến phương pháp này rất nhiều lần, nhưng mãi vẫn chưa thực hiện được. Về sau, tôi đọc Ngũ Lục của ngài Hành Sách, cuối sách cũng có phương pháp ấy. Ngài sống trước thời tôi, nhưng [thuở ấy] Ngài không có mấy Niệm Phật. Ngài nghĩ giống như tôi, chia người niệm Phật thành ba ban, mỗi một ban có bốn người xuất gia lãnh chúng, gõ pháp khí để lãnh chúng. Một ban nhiều Phật, hai ban chỉ tịnh, luân lưu, ban này niệm một, khi chỉ tịnh, ban thứ hai lại đi nhiều Phật. Khi ấy, tâm địa mọi người rất thanh tịnh, thân thể cảm thấy thoải mái, có thể duy trì lâu dài, duy trì lâu dài trong Niệm Phật Đường. Ngài chia thành ba ban, mỗi một ban có bốn người xuất gia, còn chúng ta hiện thời nhân số không đủ thì dùng mấy Niệm Phật. Phương pháp này của tôi so với phương pháp của Ngài còn thuận tiện hơn, bởi lẽ, cách của Ngài là tới lui đều phải theo đoàn thể, còn trong cách của tôi, chẳng lui tới theo đoàn thể. Cá nhân quý vị ngồi nơi đó, ngồi lâu thấy mệt thì cần phải vận động, quý vị bèn nhiều Phật. Nhiều Phật thì mở miệng niệm, hoặc trước hết quý vị lay Phật, quý vị đến khu chính giữa lay Phật.

Có thể tạo dựng một Niệm Phật Đường như thế, bên ngoài có người hộ trì, giống như trong Phật Thất có người hộ thất bên ngoài, chăm sóc quý vị, chăm sóc người niệm Phật. Các vị cần nước trà, người ấy chuẩn bị cho quý vị; quý vị cần ăn thứ gì, người ấy cũng chuẩn bị từng phần cho quý vị. Quý vị muốn ăn gì, khi đói bụng, quý vị đừng gọi người khác: “Đi ăn cơm nghe!” A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, trong ấy xen vô “đi ăn cơm nghe!” không hay chút nào! Do vậy, nếu quý vị cảm thấy phải đi ăn, tự quý vị đi ăn, đừng bận tâm tới người khác. Nếu có chuyện gì cần phải đi ra, quý vị niệm xong cũng đi ra, không cần kêu réo người khác. Quý vị ở trong Niệm Phật Đường, tâm vĩnh viễn thanh tịnh, công phu niệm Phật ấy thật sự đắc lực. Thuở trước, tôi từng nghĩ tới phương pháp này, hiện thời giống như đạo tràng Dallas ở Mỹ. Lần này, tôi sang châu Úc, muốn đem phương pháp ấy truyền cho họ, bởi lẽ, họ ở đó không có nhiều người, áp dụng phương pháp dùng mấy Niệm Phật thì sẽ có thể thực hiện được. Mong mọi chuyện niệm Phật đều đi vào nề nếp. Tuy chưa phải là Ban Châu tam-muội, nhưng rất gần với Ban Châu tam-muội, gần lắm! Con người chúng ta hiện nay nghiệp chướng sâu nặng, nhưng vẫn có thể thực hiện được!

Từ kinh này, chúng ta thấy được rằng: Kinh này khai thị cho chúng ta rất lớn. Thiện Tài đồng tử tách rời khỏi thầy, đi tham học, vị thứ nhất do thầy mình giới thiệu. Thầy đã giới thiệu thì đương nhiên là thầy có dụng ý đặc biệt, chẳng phải là giới thiệu tùy tiện. Vị thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân chuyên tu pháp môn niệm A Di Đà Phật. Gặp một vị nào trước hết thì [pháp môn của vị ấy] sẽ là Chủ (chánh yếu). [Pháp tu của vị ấy] sẽ biến thành pháp môn tu tập chánh yếu của Thiện Tài đồng tử. Đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương

dẫn về Cực Lạc. Quý vị thấy đó, Ngài từ đầu đến cuối như một; sau đây, quý vị mới suy nghĩ, Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật đấy nhé! Một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng! Vì sao Văn Thù Bồ Tát giới thiệu cho Ngài pháp môn này? Chính Văn Thù Bồ Tát đã tu pháp môn này, Phổ Hiền Bồ Tát cũng tu pháp môn này. Trong phần trước của bộ kinh bốn mươi quyển này, không nằm trong quyển bốn mươi mà là trong quyển ba mươi chín trong số bốn mươi quyển, chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, mới biết chính các Ngài đã tu pháp môn này. Văn Thù trí huệ bậc nhất trong các vị Bồ Tát, trong phần trước, chúng tôi đã nói tới việc chọn lựa pháp thì bậc trí huệ đệ nhất đương nhiên chọn lựa pháp môn thù thắng nhất. Như vậy thì pháp môn Niệm Phật được Văn Thù Bồ Tát tuyên chọn, được Phổ Hiền Bồ Tát tuyên chọn, là pháp môn được các vị ấy tuyên chọn. Thiện Tài là học sinh đặc ý của họ, họ có dạy Thiện Tài pháp môn nào khác hay chăng?

Nói như vậy, vì sao Văn Thù không tự dạy cho Thiện Tài, mà lại phải bảo tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy? Ở đây, có một đạo lý rất sâu! Có những khi, đối với thầy, trò vẫn còn có chút thành kiến, vẫn hoàn toàn chưa thể khẳng định. Tôi là một trường hợp như vậy! Khi tôi theo học với thầy Lý, thầy Lý dạy tôi tu pháp môn Niệm Phật, tuy tôi không hoài nghi, nhưng tôi trọn chẳng chấp nhận hoàn toàn. Tôi nghĩ bụng: “Kinh giáo Đại Thừa nhiều như vậy, dường như pháp môn này dành cho những bà cụ già học!” Chúng tôi vẫn còn có một chút không cam lòng, không ưng chịu. Tìm người thứ ba để biểu diễn, khai thị lần nữa cho học trò thấy. [Học trò] bèn suy nghĩ lại, thầy mình cũng học pháp này, tâm học trò bèn định lại. Đây là mẹo dạy học, là phương tiện thiện xảo vậy!

Tôi hoàn toàn tiếp nhận, chịu chấp nhận pháp môn Niệm Phật là do giảng kinh Hoa Nghiêm. Từ năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng bộ kinh này, lúc giảng, lúc ngừng suốt mười bảy năm, kinh Hoa Nghiêm giảng được một nửa, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng được một nửa, Bát Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa. Sau đây thường đi ra nước ngoài, kinh này bỏ lửng, không giảng thêm nữa. Khi ấy, chưa có băng ghi âm, những gì giảng ra cũng không lưu lại được. Do vậy, lần này có máy thu âm, giảng lại một lượt, mong sẽ thu lại thành bộ băng hoàn chỉnh để mọi người tham khảo, dụng ý hết sức sâu xa. Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo. Đoạn trước là Thiện Tài thấy tỳ-kheo Cát Tường Vân, đây là Kiến.

(Kinh) Tức tiền vãng nghệ, đánh lễ song túc, hữu nhiều tam táp, hợp chưởng nhi trụ.

(經)即前往詣，頂禮雙足，右繞三匝，合掌而住。

(Kinh: Liên tiến tới trước, đánh lễ dưới hai chân, nhiều theo chiều phải ba vòng, rồi đứng chắp tay).

Đây là đoạn thứ hai, tức Kính. [Lời chú giải của đại sư Thanh Lương cho] đoạn thứ hai như sau:

(Sớ) Minh thiết kính nghi, trọng nhân pháp cố.

(疏)明設敬儀。重人法故。

(Sớ: Nêu rõ cách tỏ bày lòng cung kính vì kính trọng người và pháp).

Vì sao tôn kính thầy? Do tôn trọng vị ấy, tôn trọng pháp. Cho nên, trông thầy [thiện tri thức] bèn vội tiến sang đó, thấy mặt liền làm lễ. “*Đảnh lễ song túc*”: Đối đãi với vị ấy giống hệt như Phật. Sau đấy “*hữu nhiều tam táp*”, đây là lễ tiết tôn kính nhất ở Ấn Độ vào thời cổ. Sau khi lạy ba lạy, lại còn nhiều quanh ba vòng. “*Hợp chưởng nhi trụ*” (đứng chắp tay), Trụ là đứng ở một chỗ nào đó. Phần kinh vẫn tiếp theo:

(Kinh) Bạch ngôn: - Thánh giả! Ngã dĩ tiên phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(經)白言，聖者，我已先發阿耨多羅三藐三菩提心。

(Kinh: Bạch rằng: - Thưa thánh giả! Trước đây con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là tiêu đoạn thứ ba trong đoạn thứ hai.

(Sớ) Tứ vấn yếu pháp.

(疏)諮問法要。

(Sớ: Xin cho đệ tử được hỏi pháp trọng yếu).

Hướng về vị thiện tri thức thỉnh giáo. Đoạn này kinh văn khá dài, lại phải chia ra thành các tiêu đoạn, cho nên lại chia thành ba tiêu đoạn. Đây là đoạn thứ nhất.

(Sớ) Tự trần phát tâm, minh hữu pháp khí.

(疏)自陳發心，明有法器。

(Sớ: Trần thuật [chính mình] đã phát tâm, nói rõ mình có đủ tư cách để lãnh nhận pháp).

Trước hết, “*bạch*” là từ ngữ tôn kính của kẻ dưới đối với người trên. “*Bạch ngôn*” (thưa rằng), chứ không thể nói: “*Tôi bảo ông*”. “*Bảo ông*” là người trên nói với kẻ dưới. Đức Phật nói với người khác, tức là Phật nói với ai, đức Phật bảo ban người đó, chính là người trên đối với kẻ dưới, nên dùng chữ “*cáo*”. Kẻ dưới đối với người trên thì dùng chữ “*bạch*”, đây là từ ngữ tỏ vẻ tôn kính. “*Thánh giả*” là tiếng để gọi tỳ-kheo Cát Tường Vân, bởi vị tỳ-kheo ấy chẳng phải là tỳ-kheo tầm thường, chẳng thể gọi vị tỳ-kheo thông thường là “*thánh giả*” được. Đây chính là ý nghĩa được chứa đựng trong chữ “*tỳ-kheo*”, ngụ ý vị ấy mới vượt thoát mười pháp giới, đây là ý nghĩa của chữ “*xuất gia*”: Mười pháp giới là nhà, ra khỏi cái nhà ấy. Do vậy, các vị ấy là đại thánh, đại Bồ Tát. Nói mình trước đây đã từng phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, tức là đã phát Bồ Đề tâm. Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm, Bồ Tát sẽ chẳng dạy quý vị, Bồ Tát không có cách nào dạy quý vị được! Quý vị đã từng phát ra cái tâm ấy, chính mình nói toạc ra:

“Tôi có tư cách tu học pháp Đại Thừa”. Cơ sở của pháp Đại Thừa là Bồ Đề tâm, tôi đã phát Bồ Đề tâm rồi!

“*Minh hữu pháp khí*”, chữ “*pháp khí*” ở đây là nói tỷ dụ. Giống như tôi khát, mong rằng quý vị sẽ cho tôi nước. Cho tôi nước thì tôi có chén đựng. Cái chén ấy là “*pháp khí*”. Tôi xách chén đến, tôi có chén đây, quý vị có thể cho tôi, ý nghĩa là như vậy. Quý vị có thể truyền pháp cho tôi, tôi là pháp khí, có tư cách để tiếp nhận. Đây là một ý nghĩa. [Người đã] phát Bồ Đề tâm thì là pháp khí, câu này hết sức trọng yếu. Lại xem tiếp:

(Kinh) Nhi vị tri Bồ Tát vân hà học Bồ Tát hạnh? Vân hà tu Bồ Tát hạnh? Vân hà khởi Bồ Tát hạnh? Vân hà hành Bồ Tát hạnh? Nãi chí vân hà u Phổ Hiền Hạnh tât đức viên mãn?

(經)而未知菩薩云何學菩薩行。云何修菩薩行。云何起菩薩行。云何行菩薩行。乃至云何於普賢行疾得圓滿。

(Kinh: Nhưng chưa biết Bồ Tát học Bồ Tát hạnh như thế nào? Tu Bồ Tát hạnh như thế nào? Hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Cho đến làm sao để hạnh Phổ Hiền mau được viên mãn?)

Đây là tiêu đoạn thứ hai. Tiêu đoạn thứ hai là:

(Sớ) Chánh trần sở vấn.

(疏)正陳所問。

(Sớ: Nêu thẳng câu hỏi).

Ngài nêu ra những câu hỏi, những nghi vấn của chính mình để cầu xin thiện tri thức dạy bảo. “*Con đã phát Bồ Đề tâm, nhưng chẳng biết học Bồ Tát hạnh ra sao?*” “*Học*” là mong được hiểu. Câu thứ hai “*vân hà tu Bồ Tát hạnh*”: Câu này nói về Hạnh. Hai câu này là hai môn Giải và Hạnh, là tổng cương lĩnh. Trong một chương trước, chúng tôi đã từng nói rồi, trong chương trước có tổng cộng mười ba câu hỏi. Ở chỗ này giản lược, lẽ ra có đủ cả mười ba câu, nhưng bị lược đi. Chúng ta xem Chú Giải, ý nghĩa này đã được nói trong phần trước rồi. Trong chú giải viết:

(Sớ) Thứ.

(疏)次。

(Sớ: Kế đến).

“*Thứ*” là đoạn thứ hai, tức tiêu đoạn thứ hai.

(Sớ) Nhi “vị tri” hạ.

(疏)而未知下。

(Sớ: Từ chữ “nhưng chưa biết” trở đi).

Đây là nói về đoạn kinh văn này.

(Sớ) Chánh trần sở vấn.

(疏)正陳所問。

(Sớ: Nêu thẳng câu hỏi).

Đây chính là phần trình bày những điều Thiện Tài muốn hỏi.

(Sớ) *Hiển vị pháp lai.*

(疏)顯為法來。

(Sớ: Nêu rõ [chính mình] vì pháp mà đến).

Tỏ rõ Thiện Tài vì pháp mà đến, chứ không vì điều chi khác, vì pháp mà đến cầu thiện tri thức chỉ dạy.

(Sớ) *Vấn trung lược giả.*

(疏)問中略者。

(Sớ: Lời hỏi ở đây được [người phiên dịch] rút gọn).

Những điều được hỏi ở đây chúng ta đã từng thấy trong phần trước có tổng cộng mười ba câu, nhưng ở đây chỉ có năm câu, nói rút gọn! “Rút gọn” không phải là do nguyên văn rút gọn mà do người phiên dịch rút gọn, chứ nguyên văn thì có.

(Sớ) *Nhược Thiện Tài lược, hữu vân hà tri.*

(疏)若善財略，友云何知。

(Sớ: Nếu Thiện Tài rút gọn thì thiện hữu làm sao biết được).

Nếu Thiện Tài chỉ nói năm câu này thì thiện hữu khai thị cho Ngài cũng chỉ có năm điểm này, làm sao có thể giảng viên mãn cho được? Những lời giảng trong phần sau rất viên mãn; đối với cả mười ba câu hỏi, đều giảng rất viên mãn. Do đây có thể biết: Ở chỗ này, [câu hỏi bị giản lược] là do người phiên dịch rút gọn. Người phiên dịch rút gọn cũng là có nguyên nhân, bởi lẽ, người Hoa thích đơn giản. Ở đây, tôi nói về người Hoa thuở xưa. Người Hoa thời cổ ngôn ngữ, văn tự đều thích đơn giản, đều chẳng thích nói rườm rà. Do vậy, họ thấy trong kinh Phật có nhiều chỗ lặp đi lặp lại, khi dịch kinh bèn rút gọn lại. Vì thế, câu tiếp theo [trong lời chú giải] là:

(Sớ) *Hạ hữu bất ưng biên牒前問.*

(疏)下友不應遍牒前問。

(Sớ: Thì vị thiện hữu kế tiếp lẽ ra chẳng thể trả lời hoàn toàn khớp với các câu hỏi trong phần trước).

“*Biến điệp*” là mỗi một điều do Ngài (tức Thiện Tài đồng tử) nói ra, tỳ-kheo Cát Tường Vân đều giải đáp hết, cho thấy lời hỏi của Ngài là viên mãn, chứ không phải chỉ có năm câu, mà phải là mười ba câu. Lại xem tiếp đoạn kinh văn kể đó:

(Kinh) Ngã văn thánh giả thiện năng dụ hối, duy nguyện từ ai, vị ngã tuyên thuyết. Vân hà Bồ Tát tốc đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?

(經)我聞聖者善能誘誨。唯願慈哀，為我宣說，云何菩薩速得成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Con nghe thánh giả có thể khéo khuyên dụ, dạy dỗ, xin Ngài xót thương tuyên nói cho con: “Làm thế nào để Bồ Tát mau được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?”)

Kinh văn đến chỗ này là đã thuật xong lời thỉnh giáo của Thiện Tài đồng tử đối với thiện tri thức. Đây là tiêu đoạn thứ ba, tiêu đoạn thứ ba là thỉnh giáo. Những chỗ giống như thế này, chúng ta đều nên học tập. Nếu chúng ta thân cận một vị thiện tri thức, hướng về vị ấy thỉnh giáo, phải tỏ ra lễ phép, lời lẽ phải có chừng mực, chẳng thể bộp chộp suông sã nêu câu hỏi, một tí lễ kính cũng không biết, người ta chẳng nói cho quý vị đâu nhé! Nếu quý vị đối với mọi chuyện đều biết lễ, biết giữ chừng mực, người ta chẳng thể không giảng cho quý vị. Người ta không giảng cho quý vị, sẽ thấy khó xử, quý vị thật sự vì pháp mà tìm đến! Vậy thì sau khi chính mình đã nêu câu hỏi, lại phải khen ngợi thiện tri thức, rồi mới thỉnh vị ấy tuyên nói. Do vậy, “*con nghe thánh giả có thể khéo khuyên dụ, dạy dỗ*”. Câu này nhằm tán thán vị ấy. Lời chú giải giảng về đoạn này như sau:

(Sớ) Hậu.

(疏)後。

(Sớ: Sau đó).

Chữ “*hậu*” ở đây chỉ tiêu đoạn thứ ba.

(Sớ) “Ngã văn thánh giả” hạ, tán đức thỉnh thuyết, hy thùy bạt tế.

(疏)我聞聖者下，歎德請說，希垂拔濟。

(Sớ: Từ chữ “*ngã văn thánh giả*” trở đi là khen ngợi đức, thỉnh nói ra, mong [thiện tri thức] sẽ rủ lòng cứu giúp).

Mong thiện tri thức giúp đỡ Ngài. “*Bạt*” là “*bạt khổ*” (đẹp khổ), “*tế*” là “*cứu tế*” (cứu vớt). Mong mọi thiện hữu giúp đỡ, giúp cho Ngài phá mê khai ngộ.

(Sớ) Vị hữu trí thiện năng, hữu từ vô lận, cố ưng vị thuyết.

(疏)謂有智善能，有慈無吝，故應為說。

(Sớ: Ý nói vị ấy có trí huệ, sẽ có năng lực hay khéo, có lòng Từ nên không bôn xén, cho nên sẽ nói).

Thiện hữu có trí huệ. Hễ vị ấy có trí huệ, đương nhiên là sẽ có thiện xảo phương tiện, vị ấy có thể ứng cơ thuyết pháp. Thiện hữu lại có lòng từ bi, có lòng từ bi, cho nên chắc chắn chẳng tiếc pháp, nhất định sẽ rất hoan hỷ chỉ dạy. Do vậy, vị ấy nhất định sẽ nói. Tiếp theo là phần giải thích về chữ “*dụ hối*” (răn dạy).

(Sớ) Dụ vị dụ dụ, tức thị giáo thọ dĩ thành tiền giải.

(疏)誘謂誘喻，即是教授以成前解。

(Sớ: Dụ có nghĩa khuyên dụ, tức là truyền dạy cho thành tựu phần Giải như đã nói trong phần trên).

Nếu dùng cách nói hiện thời để giảng, chữ Dụ (誘) này là phương tiện. Khuyên dụ người ta, dùng các thứ phương tiện thiện xảo để khuyên dụ, hướng dẫn người ta, không nhất định phải là lời lẽ. Ngoài ngôn từ ra, có thể nói là nhất cử, nhất động, một lời nói, một nụ cười, đều có công năng khuyên dụ, hướng dẫn. “*Hối*” (誨) là dạy dỗ.

(Sớ) Hối vị hối thị, tức thị giáo giới dĩ thành tiền hạnh.

(疏)誨謂誨示，即是教誡以成前行。

(Sớ: “Hối” là chỉ dạy, tức là dạy răn để thành tựu được phần Hạnh như đã nói trong phần trên).

“*Dụ*” là giúp cho người ấy thấu hiểu, *Hối* là dạy người ấy làm như thế nào, tu ra sao? Từ đây trở đi thường gặp hai chữ này; bởi lẽ, Thiện Tài đồng tử hễ gặp thiện tri thức đều dùng cách tán thán như sau: “*Con nghe thánh giả có thể khéo khuyên nhủ, dạy dỗ*”. Ý nghĩa đều giống hệt.

(Sớ) Tiền tuy quảng vấn.

(疏)前雖廣問。

(Sớ: Trong phần trước tuy lời hỏi rộng rãi).

Trong phần trước có hỏi mười ba câu, những câu hỏi này được rút gọn [trong kinh văn], đây là những câu hỏi rộng rãi, nhưng trong câu kết thúc cuối cùng [của lời hỏi]...

(Sớ) Đản chí nhân viên.

(疏)但至因圓。

(Sớ: Chỉ nhằm đạt tới tu nhân viên mãn).

Chỉ nhằm nêu câu hỏi tổng kết: Làm như thế nào sẽ khiến cho Bồ Tát thành tựu Vô Thượng Bồ Đề rất mau chóng? Đây là lời tổng kết.

(Sớ) Thử trung kết thỉnh, kỳ u quả mãn.

(疏)此中結請，期於果滿。

(Sớ: Câu tổng kết lời thỉnh vấn ở đây nhằm mong viên mãn quả).

Do đây có thể biết: Thiện Tài cầu học chẳng phải là đạt đến giai đoạn này bèn chấm dứt. Không phải vậy! Ngài còn muốn đạt đến viên mãn rốt ráo, có vậy mới thỏa mãn được nguyện vọng của Ngài.

(Sớ) Song kết phát tâm vấn hành ý cố.

(疏)雙結發心問行意故。

(Sớ: Kết thúc cả hai ý phát tâm và hỏi về cách tu hành).

Trong đoạn thỉnh giáo này, oai nghi, lời nói, lễ mạo đều hết sức viên mãn, chúng ta phải học tập theo. Phần tiếp theo là tỳ-kheo Cát Tường Vân khai thị cho Thiện Tài, trả lời những câu hỏi của Ngài. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 1 hết**